BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 58/2012/TT-BNNPTNT	*Hà Nội, ngày 07 tháng 11 năm 2012*

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục bổ sung thuốc thú y, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y được phép lưu hành tại Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ về việc sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ;

Căn cứ Pháp lệnh Thú y ngày 29/4/2004;

Căn cứ Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15/3/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thú y;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục bổ sung thuốc thú y, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y được phép lưu hành tại Việt Nam,

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục bổ sung thuốc thú y, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y được phép lưu hành tại Việt Nam.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 22 tháng 12 năm 2012.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Thú y, Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường, Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Diệp Kính Tần

DANH MỤC BỔ SUNG THUỐC THÚ Y, VẮC XIN, CHẾ PHẨM SINH HỌC, VI SINH VẬT, HÓA CHẤT DÙNG TRONG THÚ Y ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 58/2012/TT-BNNPTNT ngày 07 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

I. DANH MỤC BỔ SUNG THUỐC THÚ Y

A. DANH MỤC BỔ SUNG THUỐC THÚ Y SẢN XUẤT TRONG NƯỚC

HÀ NỘI

1. Công ty Cổ phần thuốc thú y TW5 (FIVEVET)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Five-Long đờm	Bromhexin	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g	Làm long đờm trên bê, nghé, dê non, cừu non, lợn, chó, mèo, gia cầm	TW5-142
2	Five-P.T.L.C Oral	Enrofloxacin	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, nhiễm khuẩn niệu đạo trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	TW5-143
3	Hado-Flo.PC	Florfenicol	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp trên lợn	TW5-144
4	Timi - WP	Timicosin photphat	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường phổi, nhiễm khuẩn kế phát tai xanh, hội chứng suy thoái, gầy còm, bệnh nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, bệnh tụ liên cầu khuẩn trên lợn	TW5-145

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
5	Amcostin - WP	Amoxicillin trihydrat, Colistin sunlphate	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột, hô hấp, niệu sinh dục, viêm cục bộ, nhiễm khuẩn kế phát trên bê, nghé, lợn, cừu non, gia cầm	TW5-146
6	Tydox -WP	Doxycyclin hyclat Tylosin tatrat	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, nghé, lợn, gia cầm	TW5-147
7	Trisul - WP	Sulfadiazine, Trimethoprim	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, niệu sinh dục, nhiễm khuẩn da trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	TW5-148
8	Five - Bogama	Sorbitol, Methionine, Choline, Betaine, Lyzine	Chai, Lọ	10; 20; 50; 100; 200; 500ml; 1 lít	Tăng khả năng hấp thu Vitamin, kích thích tiết dịch mật, đào thải chất độc, tăng trao đổi chất cho gia súc, gia cầm	TW5-149
9	Hado- Mebitol	Methioline, Choline, Inositol, Sorbitol, Vitamin B_6, PP	Chai, Lọ	10; 20; 50; 100; 200; 500ml; 1 lít	Điều chỉnh mất cân bằng dinh dưỡng trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gia cầm	TW5-150
10	Hado-TMS@.LA	Tilmicosin	Ống, Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm ruột, viêm móng trên trâu, bò, dê, cừu	TW5-151
11	Five-Enrobrom	Enrofloxacin, Bromhexine HCL	Lọ, Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, nhiễm trùng dạ dày - ruột, tiết niệu, da trên trâu, bò, lợn, gia cầm	TW5-152
12	Hado-Quin	Flumequine	Gói, Bao	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn Gram(-) và Gram(+) gây ra trên bê, nghé, ngựa con, dê non, cừu non, gia cầm, thỏ	TW5-153

2. Công ty Cổ phần thuốc thú y SVT Thái Dương

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Sun - Glucaf	Glucose monohydrate	Ống, Chai	2, 5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1000ml	Giúp bù lại nước và cung cấp thêm năng lượng, giúp giải độc cơ thể	SVT-63
2	Sun - Coli stop	Colistin sulfate, Spectinomycin	Chai	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa trên dê non, cừu non, heo con	SVT-64
3	Sun-Ampicol.P	Ampicillin (Trihydrate), Colistin sulfate	Túi, lon	10; 20; 50; 100g, 1kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp trên gia cầm, gia súc	SVT-65
4	Sun- Nấm phổi	Nystatin	Túi, lon	10; 20; 50; 100g, 1kg	Trị nấm Candida trên chim bồ câu và chim lồng	SVT-66
5	Sun - Tilmimix	Tilmicosin	Túi, lon	10; 20; 50; 100g, 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên lợn	SVT-67
6	Sun - Cảm Cúm	Oxytetracycline (as hydrochloride)	Túi, lon	10; 20; 50; 100g, 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, cừu, dê, lợn, thỏ, gà, chó, mèo	SVT-68
7	Thiam - Multi	Thiamphenicol	Túi, lon	10; 20; 50; 100g, 1kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp trên lợn, cừu, gia cầm	SVT-69
8	Sun-Danocin	Danofloxacin (mesylate)	Ống, Chai	2, 5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1000ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, viêm ruột, viêm vú trên trâu, bò	SVT-70

3. Công ty Cổ phần phát triển công nghệ Nông thôn (RTD)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	RTD - Nấm phổi	Nystatin, Neomycin	Gói	5; 10;20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10; 20kg	Trị nấm phổi gia cầm	RTD-203
2	RTD- Trisulfo	Sulfamonomethoxin Trimethoprim	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị tiêu chảy do nhiễm khuẩn đường ruột, cầu trùng, viêm tử cung, viêm vú, viêm mũi trên gia súc, gia cầm	RTD-204
3	Trisulfo Powder	Sulfamonomethoxin Trimethoprim	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị tiêu chảy do nhiễm khuẩn đường ruột, cầu trùng, viêm tử cung, viêm vú, viêm mũi trên gia súc, gia cầm	RTD-205
4	Sulfamonomethoxin Sodium	Sulfamonomethoxin Sodium	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị phù đầu, viêm teo mũi, bệnh do nguyên sinh động vật, E.coli gây ra trên lợn; Trị thương hàn, viêm mũi trên gà	RTD-206
5	RTD-Nấm diều	Nystatin	Gói, túi	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10; 25kg	Trị nấm phổi, nấm miệng, rối loạn tiêu hóa do kháng sinh phổ rộng	RTD-208

4. Công ty Cổ phần đầu tư liên doanh Việt Anh

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	AZ.Timicosin 30%	Tilmicosin	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	VA-105
2	AZ.Timicosin Oral	Tilmicosin	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	VA-106

5. Công ty Cổ phần thú y xanh Việt Nam

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Super Doxy 50%	Doxycycline hyclate	Gói, Bao	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 10; 20; 25kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột, hô hấp trên bê, nghé, dê non, cừu non, lợn, gia cầm	GRV-58
2	Flor-400	Florfenicol	Gói, Bao	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 10; 20; 25kg	Trị nhiễm khuẩn hô hấp trên lợn	GRV-59

TỈNH BẮC NINH

6. Công ty TNHH thương mại và sản xuất thuốc thú y Diễm Uyên - Huphavet

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Vitamin C 5%	Vitamin C	Ống; lọ	5ml; 50; 100ml	Phục hồi sức khỏe	UHN-3
2	Vitamin B_1 2,5%	Vitamin B_1	Ống, lọ	5ml; 50; 100ml	Phục hồi sức khỏe	UHN-4

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
3	Cafein Nabenzoat 20%	Cafein natri-benzoat	Ống, lọ	5ml; 20; 50; 100ml	Trợ tim	UHN-15
4	Strychnin 0,1%	Strychnin sulfat	Ống, lọ	5ml; 20; 50; 100ml	Trợ lực	UHN-16
5	Nước cất	H_2O	Ống, lọ	5ml; 20; 50; 100ml	Dùng cho pha tiêm	UHN-17
6	Huphaflocin 10%	Norfloxacin	Lọ	10; 20; 100ml	Trị ỉa phân trắng lợn con	UHN-34
7	L-5000	Tylosin, Oxytetracyclin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị xoắn trùng	UHN-37
8	G-5000	Lincomycin, S. dimedin	Lọ	5;10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy, viêm phổi	UHN-38
9	T-5000	Tylosin, Sulfamethoxazol	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy, phù đầu phù mặt	UHN-39
10	H-5000	Norfloxacin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy	UHN-40
11	Hupha-Tia 10%	Tiamulin	Ống, lọ	5; 10; 20;50; 100ml	Trị viêm phổi (CRD)	UHN-41
12	Hupha-Linco 10%	Lincomycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, viêm tử cung	UHN-42
13	Hupha-Enro 1%	Enrofloxacin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị salmonella; E.coli	UHN-43
14	Hupha-Flume 10%	Flumequin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị salmonella; E.coli	UHN-44
15	Hupha-Analgin 30%	Natri methamisol	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Hạ sốt, giảm đau	UHN-45
16	Hupha-Levamisol 7,5%	Levamisol	Ống, lọ	5ml; 10; 20; 50; 100ml	Tẩy các loại giun tròn	UHN-46

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
17	Hupha-Colistin 3%	Colistin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị E.coli dung huyết	UHN-47
18	Hupha-KC	Kanamycin; Colistin	Ống, lọ	5ml; 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy, viêm phổi	UHN-48
19	Hupha-Lincospec	Lincomycin, Spectomycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị phó thương hàn lợn con	UHN-49
20	Hupha-Gentatylan	Gentamycin, tylosin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm tử cung, viêm phổi	UHN-50
21	Huhpa-Cefalexin	Cefalexin base	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm tử cung, tiêu chảy	UHN-51
22	Hupha-Ampicolistin	Ampicilin, Colistin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy, viêm phổi	UHN-53
23	Hupha-Spec-T	Spectomycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy	UHN-54
24	Hupha-Gentamycin	Gentamycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi	UHN-55
25	Hupha-Bcomplex	Vitamin B_1; B_2; B_5; B_6; PP	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Phục hồi sức khỏe	UHN-56
26	Hupha-ADE.Bcomplex	Vitamin A, D, E, B_1, B_2, B_5, B_6, PP	Ống, Lọ	5ml 5; 10; 20; 50; 100ml	Phục hồi sức khỏe	UHN-60
27	Hupha-Ivermectin	Ivermectin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị ghẻ, tẩy các loại giun tròn	UHN-61
28	Hupha-Tozal F	Oxyclozanid	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Tẩy sán lá gan	UHN-62

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
29	Hupha-Fasiola	Droncit praziquantel	Lọ	10; 20; 50; 60; 90; 100ml	Tẩy sán lá gan	UHN-65
30	E-5.000-T	Enrofloxacin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	UHN-68
31	E-10.000-T	Enrofloxacin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	UHN-69
32	Hupha - Enrofloxacin	Enrofloxacin 1%	Lọ	10, 20, 50, 100 (ml)	Trị viêm phổi, tiêu chảy gia súc, gia cầm	UHN-70
33	Hupha - Flume-U	Flumequin 10%	Lọ	10, 20, 50, 100 (ml)	Trị tiêu chảy, viêm phổi	UHN-71
34	Hupha - Colistin	Colistin 3%	Lọ	10, 20, 50, 100 (ml)	Trị tiêu chảy	UHN-72
35	E-5.000-U	Enrofloxacin 5%	Lọ	10, 20, 50, 100 (ml)	Trị viêm phổi, tiêu chảy gia súc, gia cầm	UHN-73
36	E-10.000-U	Enrofloxacin 10%	Lọ	10, 20, 50, 100 (ml)	Trị viêm phổi, tiêu chảy gia súc, gia cầm	UHN-74
37	Hupha-Spec-U	Spectomycin 5%	Lọ	10, 20, 50, 100 (ml)	Trị tiêu chảy ở lợn, bê, nghé	UHN-75
38	Hupha - Sulfamethox 30%	Sulfamethoxypyridazine	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfamethoxy-pyridazine	UHN-76
39	Hupha-Oxyject 10%	Oxytetracyclin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Tetracyclin	UHN-77

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
40	Hupha-Tylanject 200	Tylosin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do VK nhạy cảm với Tylosin trên trâu, bò, dê, thỏ, lợn, chó, mèo	UHN-78
41	Hupha-Fer Dextran-B_{12}	Fer Dextran, Vitamin B_{12}	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng chống chứng thiếu máu, bệnh tiêu chảy trên gia súc non	UHN-79
42	HUPHA-Marbocyl	Marbofloxacine	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Marbofloxacine trên bê, lợn	UHN-84
43	HUPHA- Flor 30	Florfenicol	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm phổi, viêm đường hô hấp, tiêu chảy do vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol trên trâu, bò, lợn	UHN-86
44	HUPHACOX 2,5%	Toltrazuril	Lọ	20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 5 lít	Phòng trị bệnh cầu trùng trên gia cầm	UHN-88
45	Hupha-Analgin-C	Analgin, Vitamin C	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Giảm đau, hạ sốt, điều trị các bệnh khớp, co thắt ruột, chướng bụng trên gia súc, gia cầm	UHN-91
46	Hupha-Flodox	Florphenicol, Oxytetracyclin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh tiêu chảy, thương hàn, viêm đường hô hấp trên gia súc	UHN-92

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
47	Hupha-Gluco-C	Glucose, Vitamin C	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Cung cấp năng lượng, trợ sức, giải độc, lợi tiểu trên gia súc, gia cầm	UHN-93
48	Hupha-Oxyvet L.A	Oxytetracyclin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin, gây nên các bệnh hô hấp, tiêu chảy trên gia súc	UHN-94
49	Hupha-Paradol-U	Paracetamol	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Giảm đau, hạ sốt, các chứng sốt trên gia súc, gia cầm	UHN-95
50	Hupha-Dexa	Dexamethason (phosphate)	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Kháng viêm, kết hợp với kháng sinh trong bệnh nhiễm khuẩn, hô hấp, viêm khớp	UHN-96
51	Hupha-Bromhexin-T	Bromhexin (HCL)	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Giảm ho, giảm tiết dịch nhầy trong bệnh đường hô hấp trên gia súc, gia cầm	UHN-97
52	Hupha-Novil	Spiramycin (Adipate)	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị hen, viêm phổi, viêm khớp, viêm móng trên gia súc, gia cầm	UHN-101
53	Hupha-AM-GEN	Amoxycillin trihydrate, Gentamicin sulphate	Chai	10; 20; 50; 100; 250 ml	Trị viêm phổi, viêm ruột, viêm cơ quan sinh sản, tiết niệu, nhiễm trùng vết thương trên gia súc	UHN-116

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
54	Hupha-Tyfor	Florfenicol; Tylosin	Chai	10; 20; 50; 100; 250 ml	Trị viêm phổi cấp, viêm ruột, thương hàn, tụ huyết trùng, đóng dấu, viêm vú, sưng phù đầu trên gia súc, gia cầm	UHN-117
55	Hupha-AM-TIN	Amoxycillin; Colistin	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Trị viêm đường hô hấp, tiêu hóa, niệu sinh dục, viêm vú, nhiễm trùng vết thương trên gia súc	UHN-118
56	Hupha-Tia-Colis	Tiamulin, Colistin	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Trị hồng lỵ, viêm phổi, viêm khớp, bệnh xoắn khuẩn trên gia súc	UHN-119
57	Hupha-E-Prol	Progesterone acetate, Vitamin E	Chai	10; 20; 50; 100; 250 ml	Điều chỉnh chu kỳ động dục, loạn sản, dưỡng thai, điều hòa quá trình sinh sản trên gia súc	UHN-120
58	Hupha-Butamin	Butaphosphan, Folic acide, Cyanocobalamin	Chai	10; 20; 50; 100; 250 ml	Phòng trị rối loạn chuyển hóa, trao đổi chất, dinh dưỡng, còi cọc ở gia súc non, chống stress, tăng sức đề kháng trên gia súc	UHN-121
59	Hupha-Oxytocin	Oxytocin	Chai	10; 20; 50; 100; 250 ml	Thúc đẻ, trị sa tử cung, mất sữa sau đẻ trên gia súc	UHN-122

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
60	Hupha-E-Sel	Vitamin E, Sodium selenite	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Phòng, trị bệnh thiếu Vitamin E cho gia súc, chống ngộ độc sắt tiêm quá liều trên lợn con	UHN-123
61	Hupha-Can-Kamin	Calcium gluconate, Acid mefenamic, Vitamin K, C	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Phòng trị sốt sữa không biến chứng, suy nhược lúc sắp sinh	UHN-124
62	Hupha-Sultrim 24	Sulphamethoxazol, Trimethoprim	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục trên gia súc	UHN-125

TỈNH THÁI NGUYÊN

7. Công ty Cổ phần thuốc thú y Đức Hạnh Marphavet

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	A to Z mar	Ampicilline, Sulfadimethoxin	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000g	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa trên bê, cừu con, ngựa con, lừa con, lợn con	MAR-124
2	Marphamox premix	Amoxicilline trihydrate	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000g	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicilline, đặc biệt là *Escherichia coli* trên gà	MAR-125

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
3	Marphamox colis	Amoxicilline trihydrate, Colistine sulfate	Chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm tĩnh mạch trên bê, lợn, chó, mèo	MAR-126
4	Chlortetra trứng	Chlortetracycline HCl	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000g	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên lợn con, cừu con	MAR-127
5	Esb3-chlortetra	Chlortetracycline HCl, Sulfamethoxypyridazine Na	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000g	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Chlortetracycline và Sulfa-methoxypyridazine gây ra trên lợn con, cừu con	MAR-128
6	Nano 1	Danofloxacine mesylate	Chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, viêm ruột trên trâu, bò, lợn	MAR-129
7	Doxy trứng	Doxycycline (hyclate)	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000g	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên gia cầm, thủy cầm	MAR-130
8	Ery-ho-suyễn	Erythromycine	Chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Erythromycine gây ra trên bò, cừu, lợn	MAR-131
9	Flo.flu-la	Flofenicol, Flunixin meglumine	Chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò	MAR-132
10	Genta 400	Gentamycin sulfate	Chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000ml	Trị nhiễm trùng huyết trên bê	MAR-133

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
11	Ziquan-mectin	Ivermectine, Praziquantel	Ống, xilanh	Ống xilanh 5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1000g	Trị nhiễm bệnh giun, sán, ấu trùng của động vật chân đốt gây ra trên ngựa	MAR-134
12	Linco-spex	Lincomycine, Spectinomycine	Chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Lincomycine và Spectino-mycine gây ra trên bê, dê, lợn, gia cầm, chó, mèo	MAR-135
13	Lincomin	Lincomycine chlorhydrate	Chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Lincomycine gây ra trên lợn, chó, mèo	MAR-136
14	Marboflo new	Marbofloxacin	Chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, viêm vú cấp tính trên trâu, bò; trị viêm vú, viêm tử cung, mất sữa trên lợn nái	MAR-137
15	Kháng sinh tổng hợp A	Neomycine sulfate, Colistine sulfate	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000g	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, gia cầm	MAR-138
16	Kích trứng mar	Oxytetracycline	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000g	Trị nhiễm trùng đường phổi, đường ruột trên lợn con, cừu con, gia cầm, thỏ	MAR-139
17	D.O.C mar	Oxytetracycline HCl	Chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000ml	Trị nhiễm trùng huyết, sinh dục, hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, cừu, dê, lợn	MAR-140

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
18	Oxycolimix	Oxytetracycline HCl, Colistine sulfate	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000g	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột trên bê, lợn con	MAR-141
19	Flu-tetra	Oxytetracycline HCl, Flunixin meglumine	Chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracycline gây ra trên trâu, bò	MAR-142
20	Mr.Trần	Oxytetracycline HCl, Sulfadimethoxine	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000g	Trị bệnh đường phổi do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetra-cycline và Sulfadimethoxin gây ra trên bê, cừu	MAR-143
21	Ziquantel	Praziquantel	Chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000ml	Trị bệnh ký sinh trùng trên cừu	MAR-144
22	Dimethocin	Sulfadimethoxin	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000g	Trị bệnh cầu trùng, nhiễm khuẩn tiêu hóa, hô hấp trên gia cầm, thỏ, cừu con, lợn	MAR-145
23	Methocin oral	Sulfadimethoxin (Na)	Chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadimethoxin gây ra trên chim bồ câu	MAR-146
24	Sulfa-tri nano	Sulfadimethoxin Na, Trimethoprime	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000g	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadimethoxin và Trime-thoprime gây ra trên bê, lợn, gia cầm, thỏ	MAR-147

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
25	Sulfa-tri mix	Sulfadimethoxin Na, Trimethoprime	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000g	Trị bệnh nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, cầu trùng trên bê, cừu, dê, lợn	MAR-148
26	Cocsis ghép e.coli	Sulfadimethoxin, Colistin sulfate	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000g	Trị bệnh dạ dày - ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadimethoxin và Colistine gây ra trên bê, cừu	MAR-149
27	Ký sinh trùng mar	Sulfadimethoxin, Oxytetracycline	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000g	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadimethoxin và Oxytetracycline gây ra trên cừu, thỏ	MAR-150
28	Micosin	Tilmicosine	Chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bê, nghé, lợn, gia cầm	MAR-151
29	Kana-Cefa	Cefalexine, Kanamycin	Ống tiêm	10g	Trị viêm vú bò	MAR-152
30	Flu viêm	Flunixine	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị viêm, đau do rối loạn cơ bắp, xương trên ngựa. Giảm triệu chứng lâm sàng trong nhiễm trùng hô hấp dùng kết hợp với kháng sinh trên bò, lợn	MAR-153
31	FLORCOLI-HEN	Florfenicol	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị bệnh hô hấp, tụ huyết trùng trên lợn	MAR-154
32	ENROFLOHEN	Enrofloxacin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, dạ dày - ruột trên bê	MAR-155

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
33	BACTAM	Cefquinome sulfat	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, viêm da, viêm vú, viêm tử cung, viêm màng não, viêm khớp trên trâu, bò, lợn	MAR-156
34	CHLO-COLIHEN	Chlotetracycline	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500g, 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên bò, lợn, gia cầm	MAR-157
35	DEXAMIN	Dexamethasone, Chlorphenamine	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500g, 1kg	Trị viêm, dị ứng trên chó, mèo	MAR-158
36	PHERAMIN	Chlorphenamine	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị triệu chứng bệnh đường hô hấp trên chó, mèo	MAR-159
37	PREDNI-CHLO	Prednisolone, Chlorphenamine	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500g, 1kg	Trị bệnh ngứa da trên chó, mèo	MAR-160
38	MARTOSAL	Butaphosphan, Cyanocobalamin, N-Butart	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị bệnh giảm phosphate huyết và thiếu hụt Vitamin B_{12} trên trâu, bò, chó, mèo	MAR-161
39	AMOX-500	Amoxicillin	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500g, 1kg	Trị bệnh do *Escherichia coli* trên gà	MAR-162
40	NEO-TATIN	Neomycin, Nystatin	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500g, 1kg	Trị bệnh nấm, nhiễm trùng tai trên chó, mèo	MAR-163
41	NAMIN-MAR	Analgin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Giảm đau, hạ sốt trên trâu, bò, lợn, ngựa, chó, mèo	MAR-164

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
42	Namin-vit	Calcium gluconate, Magnesium hypophosphite	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị thiếu hụt canxi và magiê trên gia súc	MAR-165
43	GLUCO-NAMIN	Glucose, Sorbitol	Chai	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1 lít	Góp thêm lượng calo trong quá trình rối loạn chuyển hóa năng lượng trên trâu, bò, ngựa, cừu, lợn, chó	MAR-166
44	TYLAN 100	Tylosin tartrate	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500g, 1kg	Trị viêm phổi, lỵ trên lợn. Trị CRD trên gia cầm	MAR-167
45	Micosin New	Tilmicosin	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500g, 1kg	Trị bệnh đường hô hấp trên lợn	MAR-168
46	NOFACOLI 20%	Norfloxacin	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500g, 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, tụ huyết trùng, Colibacillosis trên gà	MAR-169
47	GENMY 500	Gentamycin	Chai	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1 lít	Trị viêm ruột, nhiễm trùng hô hấp trên trâu, bò, ngựa, lợn	MAR-170
48	TYLAN 80%	Tylosin	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500g, 1kg	Trị viêm phổi, lỵ trên lợn. Trị CRD trên gia cầm	MAR-171
49	TUSIN.LA	Tulathromycin	Chai	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1 lít	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, lợn	MAR-172
50	LINCOMIX	Lincomycin	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500g, 1kg	Trị viêm phổi, viêm ruột trên lợn, gia cầm	MAR-173

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
51	LINCO 25%	Lincomycin	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500g, 1kg	Trị viêm phổi, viêm ruột trên lợn, gia cầm	MAR-174
52	NEO 50%	Neomycin sulfat	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500g, 1kg	Trị viêm ruột, tiêu chảy trên bê, lợn, gia cầm	MAR-175
53	OXY-FLU	Oxytetracycline, Flunixin	Chai	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1 lít	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò	MAR-176

TỈNH HƯNG YÊN

8. Công ty Cổ phần Dược và Vật tư thú y (HANVET)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Azidine-118	Diminazen, Antipyrin	Chai	1,18g; 2,36g	Trị ký sinh trùng đường máu trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, chó	TW-X2-194
2	Hanmectin-fort	Ivermectin, Clorsulon	Chai	20; 50; 100ml	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, dê, cừu	TW-X2-195

9. Công ty Cổ phần Hùng Nguyên

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	AD_3E Bcomplex	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, PP, B_6, B_5	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Kích thích phát triển, phòng chống stress, còi cọc, chậm lớn, bại liệt	NGH-15

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
2	Vit B complex	Thiamin chloride, Pyridoxin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Tăng cường bổ sung Vitamin nhóm B	NGH-16
3	Ampicolis	Ampicillin tryhydrate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, viêm phế quản, THT, viêm ruột gây ỉa chảy thương hàn, E.coli	NGH-18
4	Tylo-50	Tylosin tatrate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm đường hô hấp, suyễn, CRD, viêm phổi, viêm ruột ỉa chảy, đóng dấu, THT, sưng phù đầu, phân xanh, phân trắng ở gia súc, gia cầm	NGH-19
5	Coliseptyl	Sulfadimidine	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, cầu trùng, dung huyết, sưng phù đầu, viêm phổi	NGH-20
6	Ampisep	Ampicilline, Sulfadimidin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị chứng phù đầu, đóng dấu, tụ huyết trùng viêm ruột, ỉa chảy	NGH-21
7	NGH-Gentatylo	Gentamycine	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị hen suyễn, viêm đường hô hấp, hồng lỵ, đóng dấu E.coli, ỉa chảy	NGH-24
8	Vibramycin-Forte	Doxyxyclin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, CRD, hen, viêm teo mũi truyền nhiễm, viêm đường tiết niệu, đường sinh dục, thương hàn, ỉa chảy,...	NGH-25
9	Enro-flox	Enrofloxacin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm đường tiết niệu, viêm tử cung, THT ở gia súc, gia cầm, phân xanh, phân vàng	NGH-26

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
10	Tylocol	Tylosin tatrate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị hen gà, khẹc vịt, cúm gà, suyễn lợn, tụ huyết trùng, viêm phổi, lợn con phân trắng	NGH-27
11	Enro-10	Enrofloxacin HCL	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Điều trị bệnh lợn con phân trắng, E.coli, sưng phù đầu	NGH-33
12	Tylosin tartrate 98%	Tylosin tartrate	Lọ, Ống	5; 10ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin tartrate gây ra	NGH-35
13	Namax	Natri hydrocacbonate, Natricitrate, $MgCl_2$, Natri sulfate, Lactose	Túi	5; 10; 20; 50g; 100g	Trị chướng bụng, đầy hơi, rối loạn tiêu hóa do thức ăn không tiêu. Kích thích tiêu hóa. Có tác dụng kiềm hóa nước tiểu hoặc kháng axít	NGH-36
14	Analgin - 30%	Anagin (Natrimetamizol)	Lọ	5; 10; 20; 50ml; 100ml	Hạ nhiệt, giảm đau, chống sốt cao trong các bệnh nhiễm trùng, bệnh viêm phổi	NGH-40
15	Vitamine B_1 2,5%	Thiamin hydroclorid	Lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Phòng, trị các bệnh do thiếu Vit B_1 gây ra, kích thích tiêu hóa, tăng tính thèm ăn	NGH-43
16	Glucose 5%	Glucose khan	Lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Giải độc và lợi tiểu trong các bệnh nhiễm độc cyanua, carbone dioxyde	NGH-44
17	Kanamycin-10%	Kanamycin sulfate	Lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhậy cảm với Kanamycin	NGH-45
18	Lincomycin-10%	Lincomycin hydroclorid	Lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhậy cảm với Lincomycin	NGH-46

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
19	Nor-Coli	Norfloxacin HCL	Lọ	5; 10; 20; 50ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Norfloxacin gây ra cho trâu, bò, lợn, chó	NGH-22
20	Colimycin	Colistin sulfate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm dạ dày, ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu	NGH-47
21	Coliracin	Colistin sulfate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm dạ dày, ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin trên bê, nghé, lợn, dê, cừu, thỏ, gia cầm	NGH-48
22	B_{12}-Ferridextran	Ferridextran, Vitamin B_{12}	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt gây ra trên trâu, bò, lợn, ngựa, dê, cừu, chó, mèo	NGH-50
23	Ivermectin-25	Ivermectin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nội, ngoại KST trên trâu, bò, dê, lợn	NGH-51
24	Ivermectin-50	Ivermectin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nội, ngoại KST trên trâu, bò, dê, lợn	NGH-52
25	Oxytemycin	Oxytetracycline	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml; 1l	Trị viêm phổi, viêm tiết niệu, viêm tử cung, viêm vú, viêm móng, tử cung, viêm ruột ỉa chảy trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu	NGH-53
26	Enroflox-10%	Enrofloxacin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml; 1l	Trị viêm đường hô hấp, viêm ruột trên bê, nghé, gia cầm	NGH-55

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
27	Flumequin-LA	Flumequin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml; 1l	Trị viêm đường hô hấp, viêm ruột, viêm tử cung, nhiễm trùng máu, viêm khớp, nhiễm trùng tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	NGH-56
28	Vitamin K_3	Vitamin K_3	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml; 1l	Cầm máu trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu, chó, mèo	NGH-57
29	Marbofloxacin	Marbofloxacin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm dạ dày ruột ỉa chảy, đường niệu, viêm móng, viêm vú, viêm tử cung trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	NGH-59
30	Vitamin C 5%	Vitamin C	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng, trị bệnh do thiếu Vit C, phòng chống stress. Nâng cao sức đề kháng trên trâu, bò, heo, gà, vịt	NGH-62
31	Analgin-C	Analgin, Vitamin C	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Giảm đau, hạ sốt, phòng chống stress trên trâu, bò, heo, gà, vịt	NGH-63
32	Thiamphenicol 20%	Thiamphenicol	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml; 1l	Trị hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, dê, cừu, lợn	NGH-66
33	Gentamox-LA	Amoxicillin trihydrate, Gentamycin sulfate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml; 1l	Trị viêm phổi, tiêu chảy, viêm tử cung, viêm ruột do vi khuẩn, viêm vú trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn	NGH-67
34	Tylan-2000 LA	Tylosin tartrate	Ống, Lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm phổi, viêm ruột, viêm vú, viêm tử cung trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	NGH-68
35	Flophenicol 30%	Florfenicol	Ống, Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml; 1l	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò, lợn	NGH-69

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
36	Spectin-5%	Spectinomycin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml; 1l	Trị hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	NGH-70
37	Bromhexin	Bromhexine HCL	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml; 1l	Giảm tiết dịch nhày, giảm ho, long đờm trên trâu, bò, ngựa, lợn, chó, mèo, gia cầm	NGH-71
38	Gluconat-K-C	Vitamin C, K_3, Cancigluconate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml; 1l	Phòng chống bệnh thiếu Vitamin C, thiếu canxi, hỗ trợ điều trị xuất huyết đường tiêu hóa, phủ tạng trên trâu, bò, heo, gia cầm	NGH-72
39	Dramycin	Tulathromycin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, lợn, chó	NGH-73
40	Dexamethason	Dexamethason natriphosphat	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị viêm khớp, thoái hóa xương khớp, viêm thanh quản, dị ứng, bệnh viêm loét da và niêm mạc trên bê, nghé, lợn, dê, cừu, chó, mèo	NGH-76
41	Vitamin C-10%	Vitamin C	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Phòng và chống bệnh thiếu vitamin C, chống stress, nâng cao sức đề kháng trên trâu, bò, gà, vịt	NGH-77
42	B_{12} Ferridex - 20%	Ferridextran Vitamin B_{12}	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Phòng, trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt ở gia súc sơ sinh, tăng tái tạo hồng cầu, chống còi xương suy dinh dưỡng	NGH-80
43	B_{12} Ferridex - 10%	Ferridextran Vitamin B_{12}	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Phòng và trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt ở gia súc sơ sinh, tăng tái tạo hồng cầu, chống còi xương suy dinh dưỡng	NGH-81

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
44	Toltrazuril	Toltrazuril	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị cầu trùng trên dê non, cừu non, lợn con, gia cầm	NGH-83
45	Amoxilin-LA	Amoxycillin trihydrate	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị viêm phổi, viêm phế quản, viêm móng, viêm vú, viêm tử cung trên bê, nghé, ngựa, lợn, dê, cừu, chó, mèo	NGH-84
46	Amox-LA	Amoxycillin, trihydrate Clavulanic acid	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị viêm phổi, viêm phế quản, hen, suyễn tụ huyết trùng, áp xe, viêm vú, viêm tử cung ỉa chảy trên bê, nghé, dê, cừu, ngựa, chó, mèo, gia cầm	NGH-85
47	S.F.M.N. Methoxine	Sulfamonomethoxin	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy, ly, thương hàn, cầu trùng, viêm phổi, nhiễm trùng da, mô mềm trên bê, dê, cừu, lợn, gia cầm	NGH-91
48	Amo-Colifort	Amoxicilline trihydrate, Colistin sulfate	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, dạ dày - ruột, nhiễm trùng tiết niệu trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	NGH-92
49	Doxy-500	Doxycyclin HCL	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, dạ dày - ruột trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	NGH-93
50	Flor-10% Oral	Florfenicol	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, dạ dày - ruột trên lợn, gia cầm	NGH-94
51	Ampicolis-Forte	Ampicilline trihydrate, Colistin sulfate	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, gà	NGH-95

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
52	Enro-20% Oral	Enrofloxacin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, viêm ruột, tiêu chảy, thương hàn trên bê, nghé, dê non, cừu non, gia cầm	NGH-96
53	Doxy-flor	Florfenicol, Doxycyclin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100 ml; 1 lít	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	NGH-97
54	Apramycin-45%	Apramycin	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy, nhiễm trùng đường tiêu hóa, lỵ trên gia súc, gia cầm	NGH-98
55	Ceptimax-LA	Ceptiofur	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh viêm phổi, tiết niệu, tiêu hóa, nhiễm trùng thối móng hoại tử trên trâu, bò, lợn	NGH-99

TỈNH THÁI BÌNH

10. Công ty TNHH Việt Trung

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	VT-ERYCIN	Ampicilline, Erythromycin	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicilline và Erythromycin gây ra trên gia cầm	VT-7
2	VT-VITAMIN C	Vitamin C	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Phòng và trị thiếu Vitamin C và các chứng chảy máu do thiếu Vitamin C, thiếu máu do thiếu sắt. Tăng sức đề kháng, giảm và ngăn	VT-8

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
					ngừa stress, kích thích thú ăn nhiều, phục hồi nhanh sau khi điều trị bệnh	
3	VT-NEOCOLI	Neomycin, Colistin	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy, viêm phổi, viêm móng, viêm khớp, viêm vú, viêm tử cung trên gia súc, gia cầm	VT-9
4	VT-SULCILIN	Ampicilline, Sulfadimethoxin	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, nhiễm khuẩn máu, sinh dục, tiết niệu trên bê, nghé, dê cừu non, ngựa non, lợn, gia cầm	VT-10
5	VT-OXYLINE	Oxytetracycline	Gói, Bao	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, nghé, dê non, cừu non, lợn, gia cầm	VT-11
6	VT-FLUMEQUIN	Flumequine	Gói, Bao	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp và tiết niệu trên bê, nghé, gia cầm	VT-12
7	VT-GENTADOXY	Doxycycline, Gentamycine	Gói, Bao	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, lợn và gia cầm	VT-13
8	VT-COLIMYCIN	Erythromycin, Colistin	Gói, Bao	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Erythromycin và Colistin gây ra trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	VT-14

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
9	VT-OXYTYLO	Oxytetracycline, Tylosine	Gói, Bao	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên lợn và gia cầm	VT-15
10	VT-AMOXYLIN	Amoxycilline	Gói, Bao	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị viêm phổi, viêm khớp, nhiễm trùng tiết niệu, nhiễm trùng huyết, thương hàn trên trâu, bò, heo, gia cầm	VT-16

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

11. Công ty TNHH một thành viên thuốc thú y TW (NAVETCO)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Navet-Tulamycin	Tulathromycin base	Chai, lọ	10, 20, 50, 100 ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, viêm kết giác mạc mắt, thối móng trên gia súc	TWII-140

12. Công ty liên doanh Bio-Pharmachemie

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Bio-Tylodox Plus	Tylosin tartrate, Doxycycline hyclate	Gói, Hộp, bao	10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, dạ dày - ruột trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	LD-BP-479

13. Công ty Cổ phần Saigonvet

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Septotrim	Sulfamerazine	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, sinh dục	HCM-X2-3
2	Tylotrim	Tylosin, Trimethoprime	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm đường hô hấp, tiêu hóa, CRD	HCM-X2-10
3	Kanesone	Kanamycin, Neomycin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm nhiễm hô hấp và tiêu hóa	HCM-X2-30
4	Sagoflox 500	Enrofloxacin	Chai	100; 250; 500ml	Trị CRD, viêm phổi, THT, tiêu chảy	HCM-X2-32
5	Flume 20% Oral	Flumequine	Chai	100; 250; 500ml	Trị tiêu chảy do E. coli, thương hàn, PTH, xuất huyết, sảy thai	HCM-X2-40
6	O.P.C.	Erythromycin, Prednisolone, Oxytetracyclin HCl	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị thương hàn, tụ huyết trùng, toi, viêm nhiễm đường ruột	HCM-X2-61
7	Tylan-spectin	Tylosin, Spectinomycin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm hô hấp, CRD, tiết niệu	HCM-X2-63
8	Colistin	Colistin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy	HCM-X2-97
9	Kanacin 100	Kanamycin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, viêm nhiễm khác	HCM-X2-104
10	Vitamin C 1000	Vitamin C	Lọ, chai	2ml, 5; 10; 20; 50; 100ml	Tăng đề kháng, ngừa stress, phục hồi sức khỏe sau điều trị	HCM-X2-109
11	S.G Biflox 20%	Enrofloxacin HCl, Bromhexine	Chai	100ml, 200ml, 250ml, 500ml, 1 lít	Trị viêm đường hô hấp, tiêu chảy do E.coli và salmonella	HCM-X2-134

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
12	Cefa - Dexa	Cefalexin, Dexamethazone	Ống, lọ, chai	2, 5, 10, 15, 20ml 50, 100, 250, 500ml	Trị viêm nhiễm đường hô hấp, tiết niệu, tụ huyết trùng	HCM-X2-137
13	O.D.C	Erythromycin, Dexa Oxytetracyclin HCl	Ống lọ, chai	2ml, 5ml, 10ml, 10, 20, 50, 100ml	Trị viêm ruột, tiêu chảy, thương hàn, nhiễm trùng vết thương...	HCM-X2-139
14	Coccisol	Diaveridine HCl, Sulfadimidine, Analgin, Vit K_3, A, PP	Lọ, chai	10ml, 20ml, 50ml, 100ml	Thuốc trị cầu trùng	HCM-X2-141
15	S.G Cephacol-D	Cephalexin, Colistin sulfate, Dexa sodium	Ống, lọ, chai	2, 5, 10, 15ml 20, 50, 100, 250, 500ml	Trị viêm hô hấp, CRD, tiêu chảy do E.coli, tụ huyết trùng	HCM-X2-145
16	S.G Sivermectin 1%	Ivermectin	Ống, lọ, chai	2ml, 5ml, 10ml, 10, 20, 50, 100ml	Chống nội và ngoại KST	HCM-X2-155
17	Sulfatrim- D	Sulfamethazine, Trimethoprim	Chai, ống	10; 20; 50; 100ml 2; 5; 10ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm phổi, phế quản, thương hàn, bạch lỵ gia cầm, tụ huyết trùng ở trâu, bò, heo, gà, vịt	HCM-X2-168
18	Genten-Plus	Gentamycin sulfate, Amoxicilin trihydrate	Ống; Lọ, chai	2; 5; 10ml; 10; 15; 20; 50; 100; 250; 5000ml	Trị viêm phổi do Mycoplasma (CRD), THT, viêm ruột tiêu chảy do E.coli cho lợn, bê, nghé, dê, cừu, gà, vịt	HCM-X2-179

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
19	O.S.C Dex	Erythromycin base Colistin sulfate, Dexa	Ống; Lọ, chai	2; 5; 10ml; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị CRD, THT, phó thương hàn, E.coli cho trâu, bò, lợn, dê, cừu	HCM-X2-184
20	Toracin	Tobramycin sulfate Colistin sulfate Dexamethasone	Ống; Lọ, chai	2; 5; 10ml; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh do Mycoplasma, E.coli, ỉa chảy do Clostridium; THT, PTH cho trâu, bò, lợn, dê, cừu, viêm phổi, ruột cho chó, mèo	HCM-X2-185
21	Coliof	Colistin sulfate Spectinomycin	Ống; Lọ, chai	2; 5; 10ml; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị viêm phổi, THT, thương hàn, tiêu chảy	HCM-X2-187
22	Tiacotin	Tiamulin hydrogen fumarate, Colistin sulfate	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, chó, mèo	HCM-X2-198
23	Flume 7,5%	Flumequine	Ống, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm ruột - tiêu chảy, thương hàn, THT, viêm phổi, nhiễm trùng đường tiết niệu trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo	HCM-X2-221
24	Difloxin	Difloxacin, Dexamethasone	Ống, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm ruột - tiêu chảy, thương hàn, THT, viêm phổi, viêm phế quản, viêm khớp, trên trâu, bò, heo, dê, cừu	HCM-X2-229
25	Florcine	Florfenicol, Dexamethasone	Ống, Chai, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, thương hàn, THT, viêm ruột - tiêu chảy, viêm da, viêm kết mạc trên trâu, bò, heo, dê, cừu	HCM-X2-230

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
26	SG.Hepatol	NaCl, KCl, $CaCl_2$, $MgCL_2$, Sorbitol	Ống, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Cung cấp các chất điện giải cho thú	HCM-X2-233
27	Cosultrim	Sulfamethoxazole, Trimethoprim	Ống, Chai, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, viêm ruột tiêu chảy, TH, THT, viêm vú, viêm khớp trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo	HCM-X2-236
28	Fluquine	Flumequine, Dexamethasone	Ống, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm ruột - tiêu chảy, TH, THT, viêm phổi, viêm phế quản, nhiễm trùng niệu trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo, gà, vịt	HCM-X2-243
29	Bactrim LA	Sulfamethoxazole, Trimethoprim	Ống, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, viêm phế quản, viêm ruột - tiêu chảy, TH, THT, viêm vú, viêm khớp trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, heo, chó, mèo	HCM-X2-244
30	SG.Doxy LA	Doxycyclin	Ống, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, THT, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, heo. Nhiễm trùng tiết niệu, nhiễm trùng vết thương trên chó, mèo	HCM-X2-245
31	SG.Enro LA	Enrofloxacin Base	Ống, Chai, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml.	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin	HCM-X2-248

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
32	Nước cất pha tiêm	Nước cất	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Hòa tan thuốc bột để tiêm	HCM-X2-252
33	DOXY	Doxycycline hyclate	Gói, bao, Thùng	100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25; 50kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên heo	HCM-X2-265
34	FLUMEQUINE	Flumequine	Gói, bao, Thùng	100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25; 50kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bê, lợn, gia cầm	HCM-X2-266
35	OXYTETRA	Oxytetracycline	Gói, bao, Thùng	100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25; 50kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu bò, lợn, gia cầm	HCM-X2-267
36	TYLOSIN	Tylosin tartrate	Gói, bao, Thùng	100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25; 50kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên lợn, gia cầm	HCM-X2-268
37	AMOX	Amoxicillin trihydratre	Gói, bao, Thùng	100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25; 50kg	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin gây ra trên heo, gia cầm	HCM-X2-269

14. Công ty TNHH Sản xuất thương mại TOBA

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	ST-NECO	Neomycin sulfate Colistin sulfate	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa do khuẩn nhạy cảm với Neomycin và Colistin	HCM-X31-16
2	ST-OXYTY	Oxytetracycline, Tylosin	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị bệnh đường hô hấp trên lợn, gia cầm	HCM-X31-17

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
3	VITAMIN C 10%	Vitamin C	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin C, tăng cường sức đề kháng	HCM-X31-18

15. Công ty TNHH Thương mại và sản xuất thuốc thú y NAPHA

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	NP-Kalis	Kanamycin sulfate, Colistin sulfate	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng máu, tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu - sinh dục trên trâu, bò, lợn con, chó, mèo	HCM-X24-01
2	NP- Diatop	Neomycin sulfate, Colistin sulfate	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 5l	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa trên bê, nghé, cừu, dê, lợn, thỏ, gia cầm, cút	HCM-X24-03
3	NP- Linspec	Spectinomycin HCL, Lincomycin HCL	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng máu, tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu - sinh dục trên bê, nghé, cừu, dê, lợn, thỏ, gà, vịt, chó, mèo	HCM-X24-05
4	Nabusal 10%	1- (butylamino)-1 methylethyl-phosphoric acid, Vit B_{12}	Lọ	5;10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5l	Phòng, trị rối loạn chuyển hóa dinh dưỡng kém, chậm phát triển trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, gia cầm	HCM-X24-12

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
5	NP- Sone	Oxytetracyclin HCL, Colistin sulfate, Dexamethasone	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin, Colistin gây ra trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo	HCM-X24-15
6	NP- Rolin	Oxytetracyclin HCL, Tylosin tartrate	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm phổi, viêm khớp, hô hấp mãn tính, viêm vú, viêm tử cung trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	HCM-X24-17
7	Broncho inject	Bromhexin HCL	Ống, Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5l	Dịu ho, làm lỏng dịch nhày phế quản và làm dễ bài xuất đờm	HCM-X24-18
8	NP-Enroflox 5%	Enrofloxacine	Lọ	10; 20; 50; 100 ml	Viêm phổi, phế quản, tụ huyết trùng, tiêu chảy, CRD	HCM-X24-23
9	NP-Vit C 2000	Acid Ascorbic	Lọ	10; 20; 50; 100 ml	Tăng đề kháng, chống stress	HCM-X24-24
10	NP-Norflox 10%	Norfloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100 ml	Trị chứng nhiễm trùng do Gr (-), Gr (+) và Mycoplasma	HCM-X24-25
11	NP-Biseptol 240	Sulfamerazine, Trimethoprim	Lọ	10; 20; 50; 100 ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, phù thũng	HCM-X24-26
12	NP-Polyvit-Forte	Vit A,D_3, E, B_1, B_2, B_6, PP	Lọ	10; 20; 50; 100 ml	Bổ sung vitamin	HCM-X24-27
13	NP-Polyvit B	Vitamin B_1, B_2, B_6, B_{12}, Nicotinamide, D-pathenol	Lọ	10; 20; 50; 100 ml	Bổ sung vitamin Nhóm B	HCM-X24-28

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
14	NP-Norfolx 10%	Norfloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100; 500; 1000ml	Trị nhiễm trùng do Gr(-), Gr(+) và Mycoplasma	HCM-X24-29
15	NP-Enroflox 10%	Enrofloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100; 500; 1000ml	Trị viêm phổi, phế quản, THT, tiêu chảy, CRD	HCM-X24-30
16	NP-Marbocin	Marbofloxacine	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò, lợn	HCM-X24-31
17	NP-B.Complex	Vitamin B_1, B_2, B_6, Nicotinamide,	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5l	Phòng, trị bệnh do thiếu Vitamin nhóm B trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu	HCM-X24-34
18	NP- Norcotin	Norfloxacin HCL	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, lợn. Nhiễm trùng đường niệu trên chó	HCM-X24-44
19	NP-TIACOLISTIN	Tiamulin, Colistin sulfate	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000 ml	Trị CRD, viêm xoang mũi truyền nhiễm, xoắn khuẩn; viêm phổi do Mycoplasma, viêm khớp ở gia cầm	HCM-X24-45
20	GENTA-COLIFLOX	Gentamycin sulfate, Colistin sulfate, Dexamethasone	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000 ml	Trị CRD, viêm ruột, E. coli, viêm rốn, phân xanh - phân trắng, sưng đầu vịt, THT, thương hàn, viêm xoang mũi	HCM-X24-47
21	Dexamethasone 0,1%	Dexamethasone	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000 ml	Chống viêm và chống dị ứng; Dùng kết hợp với kháng sinh trong điều trị	HCM-X24-48

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
22	NP-AMOX-COLIS	Amoxicillin sodium, Colistin sulfate	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000 ml	Trị viêm phổi, viêm khí quản, suyễn, viêm khớp, nhiễm trùng máu, hô hấp, viêm ruột tiêu chảy, bệnh do E.coli	HCM-X24-49
23	NP-AMPI-COLIS	Ampicillin trihydrate Colistin sulfate	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000 ml	Trị THT, phân trắng, hồng lỵ, thương hàn, phó thương hàn, viêm phổi, viêm dạ dày, ruột, ỉa chảy do E.coli và Salmonella, CRD ở gia súc, gia cầm	HCM-X24-50
24	NP-ANALGIN-C	Analgin, Vitamin C	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000 ml	Hạ sốt, giảm đau và tăng sức đề kháng của thú	HCM-X24-51
25	NP-ATROPIN sulfate 0,05%	Atropine sulfate	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị co thắt ruột, tiêu chảy nặng, co thắt khí - phế quản, phù thũng phổi, giảm đau - tiền mê trong phẫu thuật, giải độc	HCM-X24-52
26	NP-CALCIUM + B_{12}	Calcium sluconate, Vitamin B_{12}	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị các chứng sốt sữa, co giật, bại liệt, thú bị còi cọc, thiếu máu, chậm lớn	HCM-X24-53
27	Eco-500	Enrofloxacin HCL	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, khớp, đường tiết niệu trên trâu, bò, lợn, chó	HCM-X24-54

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
28	NP-BELCOTIN-S Colistine Sulfate 2%	Colistine sulfate	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000 ml	Trị viêm ruột tiêu chảy, viêm dạ dày ruột, phù thủng, viêm thận, vú, tử cung, viêm đa khớp, viêm phổi	HCM-X24-55
29	NP-Gentamycine Sulfate 4%	Gentamycine sulfate	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị viêm vú, viêm tử cung, viêm phổi ở gia súc, nhiễm trùng huyết, tiêu chảy	HCM-X24-56
30	NP-LINCO 10%	Lincomycine HCl	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị thương hàn, viêm phổi, viêm khớp nhiễm trùng hô hấp, máu, sinh dục	HCM-X24-57
31	NP-LEVASOL Levamisol HCl 7,5%	Levamisol HCl	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000 ml	Trị sán giun trên gia súc, gia cầm	HCM-X24-58
32	NP-OXYTETRA 10%	Oxytetracyclin	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000 ml	Điều trị các bệnh nhiễm khuẩn ở gia súc, gia cầm	HCM-X24-59
33	NP-D.O.C SONE	Thiamphenicol Oxytetracyclin HCl Dexamethasone	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000 ml	Trị viêm ruột, tiêu chảy, phân trắng, PTH, THT, viêm phổi, viêm tử cung, viêm vú, viêm khớp, thối móng	HCM-X24-60
34	Vitamin AD_3E	Vitamin A, D_3, E	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5l	Phòng và trị bệnh do thiếu Vitamin, trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu, chó	HCM-X24-61

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
35	NP-Tylosin 100	Tylosin tatrate	Lọ	10; 20; 50; 100; 500; 1000ml	Trị CRD, CCRD, viêm xoang mũi truyền nhiễm; viêm ruột, viêm vú, lepto	HCM-X24-62
36	NP-Analgin 25%	Analgin	Lọ	10; 20; 50; 100; 500; 1000ml	Hạ sốt, giảm đau và tăng sức đề kháng của thú trong các bệnh nhiễm trùng	HCM-X24-65
37	Vitamin B_{12}	Vitamin B_{12}	Lọ	10; 20; 50; 100; 500; 1000ml	Phòng và trị bệnh thiếu máu do thiếu vitamin B_{12}	HCM-X24-66
38	NP-Vit C 1000	Vitamin C	Lọ	10; 20; 50; 100; 500; 1000ml	Phòng, trị thiếu máu do thiếu vit C, tăng sức đề kháng, chống stress	HCM-X24-67
39	NP-Ivermectin	Ivermectin	Ống Lọ, chai	2ml 5; 10; 20; 50; 100; 500; 1000ml	Phòng và trị bệnh nội, ngoại ký sinh trùng ở trâu, bò và lợn	HCM-X24-68
40	NP-Rovam 2000	Spiramycin, Colistin sulphate	Chai	10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Spiramycin và Colistin	HCM-X24-69
41	Naflor L.A	Florphenicol	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị bệnh đường tiêu hóa và hô hấp trên heo	HCM-X24-75
42	Nacosin	Tilmicosin (as phosphate)	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị bệnh đường hô hấp trên trên trâu, bò, heo, gia cầm	HCM-X24-76
43	Albenleva	Albendazol Levamisol HCl	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10 kg	Trị nội ký sinh trùng trên trâu, bò, heo, gia cầm	HCM-X24-78

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
44	Albenzol	Albendazol	Lọ, Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị giun, sán trên trâu, bò, dê, cừu, heo	HCM-X24-79
45	Amoxicol	Amoxicillin Colistin sulfate	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10 kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, viêm khớp, viêm tử cung, viêm rốn trên trâu, bò, heo, dê, cừu, gia cầm	HCM-X24-80
46	Diclazu	Diclazuril	Lọ, Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị cầu trùng trên gia cầm, heo	HCM-X24-81
47	Spectilin	Lincomycin HCl Spectinomycine	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10 kg	Trị hồng lỵ, E.coli, Salmonella spp, viêm phổi trên heo, gia cầm	HCM-X24-82
48	Tylodox	Tylosine tartrate Doxycycline HCl	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10 kg	Trị viêm dạ dày - ruột, hô hấp trên bê, gia cầm, cừu, lợn	HCM-X24-83
49	Tylosul	Tylosine tartrate Sulfamethazine	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10 kg	Trị viêm ruột tiêu chảy, Mycoplasma, hồng lỵ trên heo, gia cầm	HCM-X24-84
50	Wor-F	Ivermectin	Lọ, Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, dê, cừu, heo	HCM-X24-85
51	Cotrim-Fort	Sulfamethoxazol Trimethoprim	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10 kg	Trị bệnh đường hô hấp, viêm ruột, tụ huyết trùng trên bê, heo, gia cầm	HCM-X24-86
52	E - Flox	Enrofloxacine	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10 kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, viêm vú, viêm tử cung trên trâu, bò, heo, gia cầm	HCM-X24-87

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
53	Amoxlav	Amoxicillin, Bromhexine HCl	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10 kg	Trị bệnh đường hô hấp, sinh dục - tiết niệu, tiêu hóa trên gia cầm, heo	HCM-X24-88
54	F.M.T	Sulfamonomethoxine	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10 kg	Trị cầu trùng, Coryza, viêm teo mũi truyền nhiễm, nhiễm trùng tiêu hóa, hô hấp, viêm vú, viêm tử cung, mất sữa (MMA) trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM-X24-89
55	Florcol	Florfenicol	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10 kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên heo	HCM-X24-90
56	Tolacox	Toltrazuril	Lọ, Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị cầu trùng trên heo con, gia cầm	HCM-X24-91
57	E-250	Enrofloxacine	Lọ, Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị E.coli, thương hàn, Myco-plasma spp trên gia cầm	HCM-X24-92
58	Eco 500 Spray	Oxytetracycline HCL	Lọ, Chai	50; 100; 150; 250ml	Trị vết thương ngoài da, móng	HCM-X24-93

16. Công ty TNHH UV

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Linspec	Spectinomycin sulfate Lincomycin hydrochloride	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị viêm ruột trên heo. Trị CRD trên gia cầm	HCM-X32-1

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
2	Decoci	Sulfachlozine sodium salt	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị cầu trùng, thương hàn, tụ huyết trùng trên gà	HCM-X32-2
3	Iverich	Ivermectin	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Phòng và trị bệnh nội, ngoại ký sinh trùng trên heo	HCM-X32-3
4	A-C	Amoxycillin trihydrate Colistin sulfate	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị viêm ruột, viêm phổi - màng phổi, nhiễm trùng tiết niệu trên bê, ngựa con, heo, cừu, dê, gia cầm	HCM-X32-4
5	Amoxin - 20	Amoxycillin trihydrate	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị tiêu chảy do E.coli, viêm phổi trên bê, nghé, heo, gia cầm	HCM-X32-5
6	F1	Amoxycillin trihydrate	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, dạ dày - ruột trên bê, nghé, heo, gia cầm	HCM-X32-6
7	Ampicoli-UV	Ampicillin trihydrate Colistin sulfate	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị nhiễm khuẩn tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, heo, gia cầm	HCM-X32-7
8	Bromox	Amoxycillin trihydrate, Bromhexine hydrochloride	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị viêm đường hô hấp, tụ huyết trùng, tiêu chảy, thương hàn, hồng lỵ, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp trên trâu, bò dê, cừu, lợn, chó, mèo	HCM-X32-8
9	Colis- 100	Colistin sulfate	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị tiêu chảy do vi khuẩn nhạy cảm gây ra như Salmonella, E.coli	HCM-X32-9

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
10	Colis-500	Colistin sulfate	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị tiêu chảy, viêm dạ dày ruột trên bê, cừu, thỏ, gia cầm	HCM-X32-10
11	Rydoxyne	Doxycycline hyclate	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị viêm khớp, viêm phế quản phổi, sảy thai truyền nhiễm, viêm tử cung, hội chứng MMA, viêm dạ dày ruột trên heo. Trị hô hấp, viêm khớp, tụ huyết trùng trên gia cầm	HCM-X32-11
12	Enro-B	Enrofloxacin	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị lỵ, E. coli, Mycoplasma, thương hàn, viêm phổi trên gà	HCM-X32-12
13	Thidoxin	Gentamycin sulfat Doxycycline hyclate	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị bệnh đường hô hấp, dạ dày - ruột trên bê, nghé, heo, gia cầm	HCM-X32-13
14	Sultrim 480	Trimethoprim Sulphadiazine natri	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị nhiễm trùng hô hấp, ruột, tiết niệu, da trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	HCM-X32-14
15	FH-Guard	Doxycycline hyclate Tylosin tartrate	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, heo, gia cầm	HCM-X32-15
16	Tylosol	Tylosin tartrate	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm khớp trên gia cầm	HCM-X32-16

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
17	Tysuzine	Tylosin Sulfamethazine	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị viêm ruột tiêu chảy, hồng lỵ, u loét ruột trên heo, gia cầm	HCM-X32-17
18	Myco-550	Spiramycin Trimethoprim	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bê, cừu non, dê con, heo, gia cầm, thỏ	HCM-X32-18
19	Flor-UV	Florfenicol	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị bệnh đường hô hấp trên heo	HCM-X32-19
20	Wheezing	Josamycin Trimethoprim	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị bệnh hô hấp mãn tính (CRD), viêm khớp trên gia cầm	HCM-X32-20
21	Gentasin	Gentamicin sulfate Tylosin tartrate	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị nhiễm trùng đường ruột, tiêu chảy, hô hấp trên bê, nghé, lợn, gia cầm	HCM-X32-21
22	Jentel	Levamisole HCL	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị giun trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM-X32-22
23	Tetrain	Tetracycline, Tylosine	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị bệnh ở phổi trên trâu, bò, heo	HCM-X32-23
24	Thidomethy	Colistin sulfate Oxytetracyclin (HCl)	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị nhiễm trùng đường ruột, hô hấp trên heo, gia cầm	HCM-X32-24
25	Tyco	Tylosin tartrate Colistin sulfate	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị bệnh đường ruột, hô hấp trên trâu, bò, heo, gia cầm	HCM-X32-25

17. Công ty TNHH Quốc Minh

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	PATROLYTE C	Paracetamol	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg	Giảm đau, hạ sốt trên heo, gia cầm	HCM-X20-173
2	ANALYTE C	Analgin, Vitamin C, Potassium chloride, Sodium chloride	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg	Giảm đau, hạ sốt, chống mất nước, chất điện giải trên gia súc, gia cầm	HCM-X20-174
3	BROMSOLON	Bromhexin HCl	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg	Làm loãng đờm, tan đờm	HCM-X20-175
4	TIADOXIN	Doxycyclin hyclate, Tiamulin hydrogen fumarate	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg.	Trị bệnh đường hô hấp trên heo, gia cầm	HCM-X20-176
5	GENDOXIN	Doxycyclin hyclate, Gentamycin sulfate	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg.	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, đường hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM-X20-177
6	NEODOX	Doxycyclin hyclate, Neomycin sulfate	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg.	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, đường hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM-X20-178
7	TYLOSULFA	Tylosin tartrate Sulfamethoxazol	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg.	Trị hồng lỵ, viêm phổi, viêm ruột trên heo	HCM-X20-179

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
8	ERYTERCIN	Oxytetracyclin HCl Erythromycin thiocyanate	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg	Trị bệnh đường hô hấp trên bê, heo, gia cầm	HCM-X20-180
9	AMPI . E	Ampicillin trihydrate Erythromycin thiocyanate	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột trên gia cầm	HCM-X20-181
10	QM-TOLTRACOC pump	Toltrazuril	Chai, Bình	5; 10; 20; 50; 100; 120; 150; 200; 250; 500; 1; 2; 4; 5 lít	Trị cầu trùng trên heo, dê non, cừu non	HCM-X20-182
11	TRACIL PUMP	Colistin sulfate, Spectinomycin	Chai, Bình	5; 10; 20; 50; 100; 120; 150; 200; 250; 500; 1; 2; 4; 5 lít	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột trên heo, dê non, cừu non	HCM-X20-183
12	VITA K INJ	Menadion sodium bisulfite	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh xuất huyết, cầm máu, giảm chảy máu trong phẫu thuật, tình trạng nghẽn mạch máu cấp tính hoặc mãn tính, nhiễm độc do tác nhân là chất chống đông máu	HCM-X20-184

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
13	CALTAPHOS	Calcium (gluconate) Calcium (glucoheptonate) Chlorure magnesium Butafosfan	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh hạ Canxi hoặc thiếu Magiê hoặc thiếu Phospho gây sốt sản trên thú sinh sản, cương cơ, động kinh	HCM-X20-185
14	TOLFEN LA	Tolfenamic acid	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Tăng hiệu quả trong điều trị bệnh viêm phổi, tiết dịch mũi, viêm vú cấp tính, viêm tử cung cấp tính, sốt sữa trên trâu, bò, heo	HCM-X20-186
15	OXYLIN LA	Oxytetraxyclin base	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, tụ huyết trùng, viêm vú, viêm tử cung, tiêu chảy, viêm móng, viêm rốn, bạch hầu, Lepto trên trâu, bò, heo	HCM-X20-187

18. Công ty TNHH thương mại - sản xuất thuốc thú y Thịnh Á

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Aminivit	Acid amine, Vitamin	Ống, lọ	2, 5, 10, 50, 100ml	Bổ sung vitamin và acid amin	HCM-X11-35

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
2	Analgin	Analgin	Ống, lọ	2, 5, 10, 50, 100ml	Giúp phục hồi, giảm sốt khi bệnh	HCM-X11-36
3	ASI Enrofloxacin 100	Enrofloxacin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường dạ dày - ruột, hô hấp ở bê và gia cầm	HCM-X11-39
4	ASI Enrofloxacin 50	Enrofloxacin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường dạ dày - ruột, hô hấp ở bê và gia cầm	HCM-X11-41
5	Gentamycine	Gentamycine	Ống, lọ, chai	2, 5, 10, 50, 100ml	Phòng và trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa ở gia súc, gia cầm	HCM-X11-42
6	ASI Polymycin 500KU	Colistin	Ống, lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Điều trị bệnh nhiễm khuẩn đường dạ dày, ruột, máu, khớp ở trâu, bò, dê, heo	HCM-X11-43
7	Lincocine	Lyncomycine	Ống, lọ	2, 5, 10, 50, 100ml	Phòng và trị bệnh viêm khớp	HCM-X11-44
8	Suanotrim	Spiramycin, Trimethoprim	Ống, lọ, chai	2, 5, 10, 50, 100ml	Phòng và trị bệnh đường tiêu hóa ở gia súc, gia cầm	HCM-X11-48
9	Tylosin 50	Tylosin	Ống, lọ	2, 5, 10, 50, 100ml	Phòng và trị bệnh đường hô hấp	HCM-X11-51

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
10	Tylosin 200	Tylosin	Ống, lọ, chai	2, 5, 10, 50, 100ml	Phòng và trị bệnh đường hô hấp ở gia súc, gia cầm	HCM-X11-52
11	Enrofloxacin 10%	Enrofloxacine	Ống, lọ, chai	2, 5, 10, 50, 100ml	Phòng và trị bệnh đường hô hấp ở gia súc, gia cầm	HCM-X11-53
12	Enrofloxacin 5%	Enrofloxacine	Ống, lọ, chai	2, 5, 10, 50, 100ml	Phòng và trị bệnh đường hô hấp ở gia súc, gia cầm	HCM-X11-54
13	Genta-Tylo	Tylosin, Gentamycine	Ống, lọ, chai	2, 5, 10, 50, 100ml	Phòng và trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa ở gia súc, gia cầm	HCM-X11-55
14	Iodocase 1000	Iodocasein	Ống, chai	2, 5, 10, 50, 100ml	Kích thích tăng tiết sữa cho nái	HCM-X11-57
15	Vitamin C	Vitamin C	Lọ, chai	50, 100ml	Tăng sức đề kháng, chống stress	HCM-X11-65
16	Norflox-5	Norfloxacin	Chai, ống, lọ	2, 5, 10, 20, 50, 100ml	Phòng và trị bệnh đường tiêu hóa ở gia súc, gia cầm	HCM-X11-68
17	Oxytetra	Oxytetracyclin HCl	Chai, ống, lọ	2, 5, 10, 20, 50, 100ml	Trị bệnh đường hô hấp ở gia súc, gia cầm	HCM-X11-69
18	Tiamulin 10%	Tiamulin hydrogen fumarate	Chai, ống, lọ	2, 5, 10, 20, 50, 100ml	Phòng và trị bệnh đường hô hấp ở gia súc, gia cầm	HCM-X11-71

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
19	Analgin-C	Analgin, Acid Ascorbic	Chai, ống, lọ	2, 5, 10, 20, 50, 100ml	Giúp tăng sức đề kháng, hạ sốt, chống stress ở gia súc, gia cầm	HCM-X11-77
20	Glucose 5%	Glucose	Chai, lọ	50, 100, 500ml	Tăng sức đề kháng cho gia súc, gia cầm	HCM-X11-78
21	Vitamin B_{12}	Vitamin B_{12}	Ống, lọ	2, 5, 10, 20, 50, 100ml	Bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm	HCM-X11-80

TỈNH ĐỒNG NAI

19. Công ty TNHH Y.S.P Việt Nam

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Sultrim suspension	Sulfadiazine sodium, Trimethoprim	Chai	100; 500ml; 1; 3.8; 25 lít	Trị viêm phổi, viêm phế quản, viêm ruột, tiêu chảy, cầu trùng, tụ huyết trùng trên heo, gia cầm	YSPV-32
2	Y.K. Premix Powder	8-Hydroxyquinoline of Copper	Túi, bao	100g, 1; 20 kg	Trị nấm trên gia cầm	YSPV-33
3	Sulfolan Premix Powder	Tylosin Tartrate, Sulfamethazine	Túi, bao	100g, 1; 20 kg	Trị hồng lỵ, viêm phổi trên heo	YSPV-34
4	Q-Lulan Soluble Powder	Sulfachloropyrazine	Túi	20g, 180 g, 1 kg	Trị cầu trùng, thương hàn, tụ huyết trùng trên gà	YSPV-35

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
5	Kwaibo-007 Powder	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, B_6, B_{12}, C, H, Nicotinamide, Calcium Pantothenate, Folic Acid	Túi, Bao	10; 50; 100; 500g, 1; 20kg	Ngăn ngừa hội chứng thiếu vitamin, phòng chống stress	YSPV-36

TỈNH TÂY NINH

20. Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại A.S.T.A

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Tilmicotryl	Tilmicosin phosphate	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1.5; 2; 5; 10kg	Trị bệnh đường hô hấp trên heo, gà	ASTA-96
2	Strepto-Tetra	Oxytetracycline HCL, Streptomycin sulphate	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1.5; 2; 5; 10kg	Trị viêm ruột, viêm xoang, tụ huyết trùng, CRD trên gia cầm. Trị viêm ruột, tiêu chảy, thương hàn, viêm phổi, viêm phế quản trên heo	ASTA-97
3	Analgin C	Analgin,Vitamin C, Potassium chloride, Sodium chloride	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1.5; 2; 5; 10kg	Hạ sốt, giảm đau, chống mất nước, mất điện giải trên gia súc, gia cầm	ASTA-98

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
4	Quinocox	Diaveridine Hydrochloride, Sulphoquinoxaline	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1.5; 2; 5; 10kg	Trị cầu trùng ruột non và manh tràng, bệnh tụ huyết trùng, thương hàn trên gia cầm	ASTA-99
5	Dimicox	Sulfadimidine sodium Diaveridine Hydrochloride	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1.5; 2; 5; 10kg	Trị cầu trùng manh tràng và cầu trùng ruột non trên gia cầm	ASTA-100
6	Aspidol	Acetyl Salicylic acid, Paracetamol, Ascorbic acid, Potassium chloride, Sodium chloride	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1.5; 2; 5; 10kg	Chống stress do thời tiết, tiêm phòng, chuyển chuồng..., chống mất nước, mất chất điện giải trên gia súc, gia cầm	ASTA-101
7	Bromhexin	Bromhexine HCL	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1.5; 2; 5; 10kg	Giảm ho, long đờm, chống co thắt phế quản trong các bệnh viêm phế quản, viêm thanh phế quản truyền nhiễm, viêm phổi, suyễn, CRD trên gia súc, gia cầm	ASTA-102
8	Apravit	Apramycin sulphate	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1.5; 2; 5; 10kg	Trị viêm ruột trên bê, nghé, heo. Trị nhiễm trùng huyết do Escheri-chia coli trên gà con	ASTA-103

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
9	Devopen	Streptomycin sulfate Penicillin G Kali	Chai	100; 500ml	Trị tụ huyết trùng, lỵ, viêm ruột, tiêu chảy, thương hàn, phó thương hàn, nhiệt thán, đóng dấu, viêm phế quản - phổi, viêm vú, viêm tử cung, vết thương, vết thương có mủ trên trâu, bò, dê, cừu, ngựa, heo, gia cầm	ASTA-104
10	Devopen-P	Dihydrostreptomycin sulfate, Penicillin G procaine	Chai	100; 500ml	Trị nhiễm trùng đường sinh dục, viêm phổi, tụ huyết trùng, nhiệt thán, đóng dấu, viêm khớp, viêm ruột, tiêu chảy, nhiễm trùng vết thương trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, heo, chó, mèo, gia cầm	ASTA-105

21. Công ty TNHH SX-TM M.E.B.I.P.H.A

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	GENTAMOX 15% LA	Amoxycillin trihydrate, Gentamycin sulphate	Chai	20ml, 100ml	Trị viêm phổi, sưng phù đầu, viêm ruột tiêu chảy, tụ huyết trùng, viêm khớp, đau móng, viêm vú, viêm tử cung	MBP-1

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
2	MULTIBIOTIC LA	Ampicillin Trihydrate, Colistine Sulphate	Chai	20ml, 100ml	Trị viêm vú, viêm tử cung, mất sữa (MMA), tiêu chảy do E.coli trên heo	MBP-2
3	METRIL MAX LA	Enrofloxacin	Chai	20ml, 100ml	Trị viêm phổi địa phương, viêm phổi dính sườn, tụ huyết trùng, thương hàn trên heo. Trị CRD, CCRD trên gia cầm	MBP-3
4	PENSTREP LA	Penicillin G Procaine, Dihydrostreptomycine Sulphate	Chai	20ml, 100ml	Trị viêm khớp, đau móng, viêm đường sinh dục do Leptospira, bệnh xảy thai truyền nhiễm. Hội chứng MMA, tụ huyết trùng, đóng dấu son, viêm da, nhiễm trùng vết thương	MBP-4
5	OXYTETRA 200 LA	Oxytetracyllin	Chai	20ml, 100ml	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, bò, dê, cừu, heo	MBP-5
6	FLOR 400 LA	Florfenicol	Chai	20ml, 100ml	Trị viêm phổi - màng phổi, viêm phổi cấp tính, tụ huyết trùng, viêm teo mũi truyền nhiễm, viêm khớp, viêm màng não tủy, viêm thận, viêm tiết niệu, thương hàn, viêm ruột trên trâu, bò, dê, cừu heo, vịt	MBP-6

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
7	MEBI - SONE	Flophenicol, Doxycycline HCl	Chai	20ml, 100ml	Trị viêm phổi, thương hàn, tụ huyết trùng và bệnh kế phát trên trâu, bò, dê, cừu, heo	MBP-7
8	TYLOCAN 20% INJ	Tylosine (tartrate)	Chai	20ml, 100ml	Trị CRD, CCRD, viêm xoang mũi, tiêu chảy, thương hàn, tụ huyết trùng trên gia cầm	MBP-8
9	LINSPEC INJ	Lincomycine, Spectinomycine	Chai	20ml, 100ml	Trị viêm phổi - màng phổi, thương hàn, tiêu chảy trên gia súc	MBP-9
10	MEBI-SPIRA D.C	Spiramycine, Colistine sulphate	Chai	20ml, 100ml	Trị viêm phổi, viêm ruột, tiêu chảy trên heo con	MBP-10
11	MEBI-SULTRIM INJ	Trimethoprime, Sulphamethoxazole	Chai	20ml, 100ml	Trị tiêu chảy, thương hàn, tụ huyết trùng, nhiễm trùng đường hô hấp, tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, heo	MBP-11
12	D - MAX 25 INJ	Danofloxacine	Chai	20ml, 100ml	Trị viêm phổi, viêm phổi - màng phổi trên trâu, bò, heo	MBP-12
13	MEBI - GENTATYLO INJ	Tylosin tartrate, Gentamycine sulphate	Chai	20ml, 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm, chó, mèo	MBP-13
14	KETOFEN 10% INJ	Ketoprofen	Chai	20ml, 100ml	Chống viêm, giảm đau, hạ sốt	MBP-14

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
15	MEBI - ADE INJ	Vitamin A, D, E	Chai	20ml, 100ml	Dùng để phòng và trị thiếu vitamin A, D, E	MBP-15
16	FENAC INJ	Diclofenac sodium	Chai	20ml, 100ml	Hạ sốt, giảm đau	MBP-16
17	PARA C 15%	Paracetamol, Vitamin C	Chai	20ml, 100ml	Hạ sốt, giảm đau	MBP-17
18	DEXA - BP INJ	Dexamethasone	Chai	20ml, 100ml	Kháng viêm, kết hợp với kháng sinh trong điều trị các bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục, tiết niệu, chống dị ứng	MBP-18
19	METOSAL 10%	1-(n-Butylamino)-1 Methylethyl Phosphorous acid, Vitamin B_{12}	Chai	20ml, 100ml	Kích thích biến dưỡng. Phục hồi các rối loạn sinh sản. Chống stress, ổn định thần kinh	MBP-19
20	MEBI-GLUCAN INJ	Buta-phosphan, Vitamin B_{12}	Chai	20ml, 100ml	Kích thích miễn dịch. Tăng biến dưỡng, sức đề kháng, chống stress	MBP-20
21	MEBI-NUCLEOTIDE INJ	Buta-phosphan, Vitamin B_{12}	Chai	20ml, 100ml	Kích thích biến dưỡng, điều chỉnh rối loạn trao đổi, chống stress	MBP-21
22	TĂNG LỰC NUMBER 1 INJ	Buta-phosphan, Vitamin B_{12}	Chai	20ml, 100ml	Kích thích biến dưỡng. Phục hồi các rối loạn sinh sản, chống stress trên heo, gia cầm	MBP-22

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
23	ADE BC INJ	Vitamin A, D_3, E, C, K_3, B_1, B_6, Nicotinamide	Chai	20ml, 100ml	Phòng và trị bệnh do thiếu Vitamin A, D, E, C, nhóm B	MBP-23
24	ATP-CALCIUM INJ	Calcium Gluconate, Calcium Glucoheptonate	Chai	20ml, 100ml	Phòng và trị các bệnh thiếu calci trên trâu, bò, heo, dê, cừu	MBP-24
25	MEBI-DEXTRAN 200 INJ	Iron Dextran, Vitamin B_{12}	Chai	20ml, 100ml	Phòng và điều trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt ở heo con	MBP-25
26	MEBI-FLUM ORAL	Flumequine	Chai, can	50ml, 100ml, 250ml, 500ml, 1 lít, 5 lít	Trị tiêu chảy do vi khuẩn E.coli, Clostridium	MBP-26
27	MEBI - COX 5%	Toltrazuril	Chai, can	50ml, 100ml, 200ml, 500ml, 1 lít, 5 lít	Phòng trị bệnh cầu trùng gây tiêu chảy trên heo con theo mẹ, bê, nghé	MBP-27
28	MEBI-ENROFLOX 10%	Enrofloxacine	Chai, can	50ml, 100ml, 250ml, 500ml, 1 lít, 5 lít	Phòng trị bệnh CRD, sưng phù đầu (do Coryza), thương hàn, tụ huyết trùng, tiêu chảy do E.coli, viêm xoang mũi, bệnh ghép giữa CRD và E.coli	MBP-28
29	MEBI-FLUMEQUINE 20%	Flumequine	Chai, can	50ml, 100ml, 250ml, 500ml, 1 lít, 5 lít	Trị tiêu chảy, thương hàn, viêm khớp, CRD, CCRD trên gia cầm	MBP-29
30	MEBI-FLOR 20	Flophenicol	Chai, can	50ml, 100ml, 250ml, 500ml, 1 lít, 5 lít	Trị CCRD, tụ huyết trùng, sổ mũi truyền nhiễm, tiêu chảy, viêm ruột	MBP-30

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
31	MEBI - COX 2.5%	Toltrazuril	Chai, can	50ml, 100ml, 200ml, 500ml, 1 lít, 5 lít	Phòng và trị cầu trùng trên gia cầm, heo, bê, nghé, thỏ	MBP-31
32	METOSAL ORAL	Butaphosphan, Vitamin B_{12}	Chai, can	50ml, 100ml, 250ml, 500ml, 1 lít, 5 lít	Kích thích biến dưỡng, điều chỉnh rối loạn trao đổi chất, mau hồi phục sau mắc bệnh, chống stress trên gia cầm	MBP-32
33	MEBI-OXOMIX 20%	Oxolinic acid	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg	Trị tiêu chảy, thương hàn, nhiễm trùng huyết, viêm khớp, CRD, CCRD trên gia cầm	MBP-33
34	MEBI - AMPICOLI	Ampicillin trihydrate, Colistin	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg	Trị viêm ruột tiêu chảy, thương hàn, tụ huyết trùng, viêm rốn, nhiễm trùng máu trên gia súc, gia cầm	MBP-34
35	MEBI - CALCIPHOS	Phospho (P_2O_5), Calcium phosphate monobasic, Magnesium phosphote monobasic, Sodium phosphate monobasic, Mangenese phosphate monobasic, Zinc phosphate monobasic, Cupric	Chai, can	50ml, 100ml, 200ml, 500ml, 1 lít, 5 lít	Cung cấp Ca, P và các nguyên tố vi	MBP-35

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
		phosphate monobasic, Cobalt phosphate monobasic				
36	JOSA GROW PIGS	Josamycine	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg, 5kg, 10kg	Trị viêm phổi trên heo	MBP-36
37	TRI - ALPHA	Josamycin, Trimethoprime	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg	Trị CRD, CCRD, viêm khớp trên gia cầm	MBP-37
38	TYLOSULFA - DC	Tylosine Tartrate, Sulfadimidine, Vitamin C	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg, 5kg, 10kg	Trị viêm phổi, viêm khớp, tụ huyết trùng, viêm ruột, tiêu chảy. Viêm khớp, tụ huyết trùng, viêm ruột, tiêu chảy trên gia súc	MBP-38
39	FLOPHENICOL	Flophenicol	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg, 5kg, 10kg	Trị bệnh đường hô hấp trên gia súc	MBP-39
40	MEBI - SPECLIN	Lincomycine, Spectinomycine	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg, 5kg, 10kg	Trị bệnh đường hô hấp trên gia súc, gia cầm	MBP-40
41	DOXY COLI	Doxycillin, Colistin	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, đường ruột trên gia súc, gia cầm	MBP-41
42	MEBI - AMOXTIN AC	Amoxillin trihydrate, Colistin	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg	Trị tụ huyết trùng, viêm ruột tiêu chảy trên gia súc. Trị CRD, CCRD, viêm khớp, viêm xoang mũi trên gà, vịt, cút	MBP-42

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
43	MEBI-TICOSIN 20%	Tilmicosin phosphate	Bao, gói, lon	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg	Trị bệnh đường hô hấp trên gia súc, gia cầm	MBP-43
44	TYLO 50% WS	Tylosin tartrate	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg, 5kg/bao	Trị CRD, CCRD, viêm khớp trên gia cầm	MBP-44
45	LINSPEC 100 WS	Lincomycin HCl, Spectinomycin sulphate	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg, 5kg/bao	Trị CRD, CCRD, viêm khớp trên gia cầm	MBP-45
46	AMPICOLI 50% WS	Ampicillin trihydrate, Colistin	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg, 5kg/bao	Trị CRD, CCRD, viêm ruột, bệnh do E.coli, viêm khớp trên gà, vịt, cút	MBP-46
47	TRISULPHA	Trimethoprime, Sulphadimidine	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg/lon	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên heo, gia cầm	MBP-47
48	NYSTATIN	Nystatin	Bao, gói	10g, 20g, 25g, 50g, 100g, 500g, 1kg	Trị nấm phổi trên gia cầm	MBP-48
49	CLAV - MOX LA	Amoxycillin Trihydrate, Acid Clavulanic (Potassium Clavulanate)	Chai	20ml, 100ml	Trị viêm phổi, sưng phù đầu do E.coli, viêm ruột tiêu chảy, tụ huyết trùng, viêm khớp, đau móng, viêm vú, viêm tử cung	MBP-50
50	AMOX 15% LA	Amoxycycline	Chai	20ml, 100ml	Trị viêm phổi, sưng phù đầu do E.coli, viêm ruột tiêu chảy, tụ huyết trùng, viêm khớp, đau móng, viêm vú, viêm tử cung	MBP-51
51	BROMHEXINE INJ	Bromhexine	Chai	20ml, 100ml	Làm loãng đàm và tan đàm	MBP-52

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
52	ĐẶC TRỊ TIÊU CHẢY INJ	Enrofloxacin	Chai	20ml, 100ml	Trị tiêu chảy do E.Coli, viêm vú, viêm tử cung, mất sữa (MMA) trên heo	MBP-53
53	FLORDOX INJ	Florfenicol, Doxycycline	Chai	20ml, 100ml	Trị viêm phổi, viêm phổi dính sườn, hồng lỵ, viêm ruột tiêu chảy, viêm khớp, viêm da, bệnh xảy thai truyền nhiễm, viêm vú, tụ huyết trùng, sưng phù đầu	MBP-54
54	TIA - DC INJ	Tiamulin	Chai	20ml, 100ml	Trị viêm phổi, hồng lỵ, viêm ruột tiêu chảy trên heo	MBP-55
55	MARBO 20	Marbofloxacine	Chai	20ml, 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò, heo	MBP-56
56	TILMI 200 INJ	Tilmicosine	Chai	20ml, 100ml	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp	MBP-57
57	BUTASAL INJ	Butaphosphan, Vitamin B_{12}	Chai	20ml, 100ml	Kích thích biến dưỡng, phục hồi các rối loạn sinh sản, chống stress	MBP-58
58	DEXTRAN B_{12} INJ	Iron Dextran, Vitamin B_{12}	Chai	20ml, 100ml	Phòng và trị các triệu chứng thiếu máu do thiếu chất sắt	MBP-59
59	LINSPEC	Lincomycine, Spectinomycine	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên gia súc, gia cầm	MBP-60

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
60	TYLO-DOX WS	Tylosin, Doxycycline	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg	Trị bệnh đường hô hấp trên heo, gia cầm	MBP-61
61	DOXY 20%	Doxycycline	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline trên bê, heo, dê, cừu, gia cầm	MBP-62
62	DOXY 30%	Doxycycline	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline trên bê, heo, dê, cừu, gia cầm	MBP-63
63	DOXY 50%	Doxycycline	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline trên bê, heo, dê, cừu, gia cầm	MBP-64
64	FLUMEQUINE 20	Flumequine	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg	Trị tiêu chảy, thương hàn, viêm khớp, CRD, CCRD trên gia cầm	MBP-65
65	AMOX AC 50%	Amoxycycline trihydrate	Bao, gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg	Trị bệnh đường hô hấp trên gia cầm	MBP-66
66	TILMI 25%	Tilmicosin	Chai, Can	50ml, 100ml, 250ml, 500ml, 1 lít, 5 lít	Trị bệnh đường hô hấp trên gia cầm	MBP-67
67	VITRIL 10% WS	Enrofloxacine	Chai, Can	50ml, 100ml, 250ml, 500ml, 1 lít, 5 lít	Trị bệnh đường hô hấp, bệnh đường ruột trên gia súc, gia cầm	MBP-68
68	NORFLOX 10% INJ	Norfloxacine	Chai	20ml, 100ml	Trị tụ huyết trùng, thương hàn, CRD trên gia cầm. Trị viêm phổi, thương hàn, bệnh đường ruột trên trâu, bò, heo	MBP-69

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
69	KANA 10% INJ	Kanamycine sulphate	Chai	20ml, 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm, chó, mèo	MBP-70
70	GENTA 4% INJ	Gentamycine	Chai	20ml, 100ml	Trị viêm vú, viêm tử cung, viêm phổi, tiêu chảy, nhiễm trùng huyết	MBP-71
71	VITAMIN C 10%	Vitamin C	Chai	20ml, 100ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin C, tăng cường sức đề kháng	MBP-72

TỈNH BÌNH DƯƠNG

22. Công ty TNHH TM-SX thuốc thú y Safa-Vedic

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Amoxcoli - SP	Amoxicillin, Colistin	Bao, gói	5; 10; 100; 200; 500g; 1; 5 kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu, viêm cục bộ, nhiễm trùng thứ phát trên trâu, bò, cừu, gia cầm	SAFA-74
2	Safa - diệt muỗi	Permethrin	Chai	20; 50; 100; 200; 500 ml; 1; 2 lít	Phòng và trị ve, bọ chét và xua đuổi muỗi, ruồi	SAFA-76

23. Công ty liên doanh TNHH Anova

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	NOVA-ANTI COLI	Spectinomycin, Colistin sulfate	Ống, Chai, can	2; 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1; 4; 10l	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa trên dê, cừu, heo con	LD-AB-179
2	NOVA-TIA.DC	Tiamulin, Colistin	Ống, Chai, can	2; 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1; 4; 10l	Trị viêm phổi, viêm ruột, tiêu chảy trên trâu, bò, heo	LD-AB-180
3	NOVA-CLAMOX	Amoxicilline trihydrate, Clavulanic acid	Ống, Chai, can	2; 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1; 4; 10l	Trị viêm phổi cấp, THT, viêm ruột tiêu chảy, tiết niệu, viêm tử cung, viêm vú, sưng phù đầu trên trâu, bò, heo, chó, mèo	LD-AB-181

THÀNH PHỐ CẦN THƠ

24. Công ty Cổ phần SXKD vật tư và thuốc thú y Cần Thơ (VEMEDIM)

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Coxin	Colistin sulfate Spectinomycin base	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột trên heo con, bê, nghé, dê non, cừu con	CT-366
2	Danotryl	Danofloxacin	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường ruột trên trâu, bò, lợn	CT-367

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
3	Fer complex	Iron (dextran iron), Cobalt (gluconate), Copper (gluconate), Vitamin B_{12}	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Phục hồi sức khỏe cho gia súc còi cọc, xù lông, nhiễm ký sinh trùng. Phòng và trị thiếu máu do thiếu sắt trên heo, trâu, bò, dê, cừu	CT-368
4	Trilacin	Levamisole HCl, Triclabendazole	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Trị giun tròn, giun phổi và giun tim, sán dây, sán lá ruột trên gia súc, gia cầm	CT-369
5	Tonavet for	Tolfenamic acid	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Kháng viêm, giảm đau, hạ sốt	CT-370

B. DANH MỤC BỔ SUNG THUỐC THÚ Y NHẬP KHẨU

FRANCE

1. Công ty Coophavet

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Cofacoli Solution	Colistin	Bình, thùng	500ml; 1; 60; 200l	Phòng và trị bệnh đường tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với colistin	COO-11
2	CRD 92	Spiramycin, Trimethoprim	Gói, thùng	100g; 1; 2.5; 5; 25kg	Phòng và trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Spiramycin và trimethoprim	COO-12
3	Oxytetra 10 Coophavet	Oxytetracycline	Chai	100ml, 250ml	Phòng và trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin	COO-13

2. Công ty Merial

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Certifect™ spot on	Fipronil, Amitraz, (S)-methoprene	Ống tuýp	1.07, 2.14, 4.28, 6.42 ml	Phòng và trị ngoại ký sinh trùng trên chó	MRA-216

IRELAND

1. Công ty Ballinskelligs Veterinary Products (BVP Ltd)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Paramec 10 ADE	Ivermectin, Vitamin A, D, E	Chai	10; 50; 100; 500ml	Trị giun tròn, giun phổi, giun mắt, giòi, ve, ghẻ, rận trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	BVP-4

SPAIN

1. Công ty Industrial Veterinaria (Invesa)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Lincoxil 40%	Lincomycin (hydrochloride)	Gói	100g; 1kg	Trị bệnh lỵ trên lợn; trị viêm ruột trên gia cầm	IIS-33
2	Albendazol 10% Ganadexil	Albendazole	Chai	1; 5 lít	Phòng và trị giun, sán trên trâu bò và gia cầm	IIS-34

2. Công ty Cenavisa, S.L. Cami' Pedra Estela s/n

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Floxicen	Enrofloxacin	Chai	1 lít, 5 lít	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin gây ra trên gia cầm	CLS-12

3. Công ty Laboratorions Maymo

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	COLIPHUR	Colistin (sulphate), Neomycin (sulphate)	Chai	100; 500 ml; 1; 5 lít	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, Colibacillosis, Salmonellosis trên bê, nghé, dê non, cừu non, lợn, gia cầm	LMM-1
2	QUIMIOCOLI	Enrofloxacin	Chai	100; 500 ml; 1;5 lít	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu trên bê, nghé, dê non, cừu non, lợn, gia cầm	LMM-2
3	QUINOCILIN	Ampicillin (trihydrate), Colistin (sulphate)	Chai	50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, da, mô mềm trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	LMM-3

4. Công ty Laboratorios Karizoo

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	MAXYL	Amoxicillin trihydrate	Gói	400g; 1kg	Trị bệnh do Streptococcus suis trên lợn; Trị Pasteurellosis, Colibacillosis trên gia cầm	LKS-1

5. Công ty Laboratorios Lamons S.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	AD3E-BCK LAMONS	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, B_6, C, K_3, Niacin, Potassium sorbate, Glyceryl Polythylenglycol Ricinonletae	Chai	250; 500 ml; 1; 5 lít	Chống stress, tăng sức đề kháng trên gia cầm	LLS-2
2	CA/MG/P LAMONS	Bicanlcium phosphate; Magnesium oxide; Calcium carbonate	Gói	200; 500g; 1; 25 kg	Bổ sung Canxi, Magie và phốt pho trên gia cầm	LLS-3
3	VIT-ESEL LAMONS	Vitamin E, Sodium selenite, Potasium sorbate, Glycerilpolyethyleneglycol ricinoleate	Chai	250; 500 ml; 1; 5 lít	Phòng ngừa thiếu hụt vitamin E và selen trên gia cầm	LLS-5
4	VIT-AMINO LAMONS PLUS	Glucose, Đạm thực vật, Vitamin A, D_3, E, K_3, B_1, B_2, B_3, B_5, B_6, B_{12}, Biotine, Inositol	Chai	250; 500 ml; 1; 5 lít	Phòng ngừa thiếu hụt vitamin và amino acid trên gia cầm	LLS-6
5	VITEX LIQUID	Vitamin C; Acid citric; Acid lactic; Glycerin; Sodium chloride	Chai	250; 500 ml; 1; 5 lít	Chống stress, tăng sức đề kháng trên gia cầm	LLS-7
6	ACTYBOL LAMONS	$MgCl_2$, Carnitine chloride, Artichoque extract, Rosmarinus extract, Thymus extract, Sorbitol, Propylenglycol, Ion chloride, Lactic acid, Sorbic aic	Chai	250; 500 ml; 1; 5 lít	Cung cấp các thành phần có hoạt tính sinh học, tăng cường sự trao đổi chất trên gia cầm	LLS-8

6. Công ty Laboratorios Hipra, SA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Gestavet-prost	D- cloprosterol	Lọ	10; 20; 50ml	Giúp lên giống, kích đẻ, kết hợp điều trị viêm tử cung trên bò cái, lợn nái	HP-43

BULGARIA

1. Công ty BIOVET

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Tylovet 10% Granular	Tylosin phosphate	Túi	1, 5, 10kg	Trị bệnh hô hấp, viêm xoang truyền nhiễm trên gia cầm	BB-9
2	Tilmovet 25% Oral Solution	Tilmicosin	Lọ	60, 250, 960ml	Trị bệnh do Mycoplasma	BB-10

ITALY

1. Công ty Vetoquinol Italia

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Bac MP	Colistin sulphate	Bao	10; 25kg	Trị bệnh đường ruột trên heo, gia cầm	VQ-43
2	Spectolyn 11/11	Lincomycin hydrochloride, Spectinomycin sulfate	Bao	10; 25kg	Trị viêm phổi, lỵ, viêm khớp, viêm ruột, tiêu chảy trên heo	VQ-44

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
3	Eservit AD_3EB+ Trace Elements	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, B_6, B_{12}, K_3, H, PP, D-Pantothenic acid, Choline, Zinc, Manganese, Copper, Iron	Chai	1 lít	Bổ sung Vitamin thiết yếu cho cơ thể động vật	VQ-45
4	Ascotyl 200MP	Tylosin Tartrate	Bao	20kg	Trị viêm ruột hoại tử, viêm phổi trên heo. Trị CRD trên gà	VQ-46
5	Amoxicillin 20% Coated	Amoxicillin Trihydrate	Bao	25kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, dạ dày ruột, nhiễm trùng tiết niệu - sinh dục, khớp, da trên bê, nghé, lợn, gia cầm	VQ-47

HOLLAND

1. Công ty Interchemie Werken "de Adelaar" BV

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Gallimix-200 ws	Erythromycin thiocyanate	Hộp, gói	100, 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên gia cầm	ICW-66
2	Limoxin ws	Oxytetracycline HCl	Hộp, gói	100, 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, dê, cừu, lợn, gia cầm	ICW-67
3	Biocillin-200 ws	Amoxycillin trihydrate	Hộp, gói	100, 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, đường niệu trên gia súc, gia cầm	ICW-68
4	Ceftionel-50	Ceftiofur	Chai	100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, lợn	ICW-69

2. Công ty DutchFarm International B.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	DUFACOC 200 PLUS W..S.P	Amprolium HCl, Sulfaquinoxaline sodium	Gói, chai	100; 500g; 1 kg	Trị cầu trùng trên bê, nghé, cừu, lợn, gia cầm	DUTCH-22

ARGENTINA

1. Công ty Cevasa S.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Macfos	Fosfomycin Tylosin tartrate	Hộp, gói, Bao	100; 500g; 1; 5kg	Trị bệnh đường hô hấp, viêm ruột, bạch lỵ, thương hàn, tụ huyết trùng trên lợn, gia cầm	CEVA-35
2	Hepa-Pro	Liver Proteolyzed, Vitamin B_1, B_2, B_6, B_{12}, L-Lysine HCl,Nicotinic Acid, Calcium Pantothenate, D,L-Methionine, Choline Chloride, Glucose Solution	Chai, Can	100; 250; 500ml; 1; 5; 20l	Trợ giúp bảo vệ gan trên lợn, gia cầm	CEVA-36

PERU

1. Công ty Pharmadix Corp.S.A.C (Peru)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Nitronix®34	Nitroxynil	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị sán lá gan, ruồi sinh giòi trong mũi, giun tròn	PCP-1
2	Bovimec®L.A	Ivermectin	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	PCP-2
3	Tolfen L.A.8%	Acid tolfenamic	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Kháng viêm, giảm đau, hạ sốt trên trâu, bò, ngựa, dê, lợn	PCP-3
4	Fipronex®	Fipronil	Chai	55; 110; 275; 550 ml	Phòng và trị bọ chét, ve, rận, ghẻ trên chó, mèo	PCP-4

CHILE

1. Công ty Centrovet

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Fipronil 0,25%	Fibronil, Povidone	Bình xịt	50; 100ml	Trị ngoại ký sinh trên chó, mèo	LACE-4
2	Rexolin plus	Fipronil; S-methoprene	Hộp	3 tuýp (tuýp: 0,7; 1,3; 2,7; 4,0ml)	Diệt bọ chét, ve trên chó	LACE-5
3	Ehliquantel	Praziquantel	Hộp	50 viên/hộp	Trị sán dây, giun tròn trên chó	LACE-6

JAPAN

1. Công ty Kyoritsu Seiyaku

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Geritomin	Berberine tannate	Gói, bao	50, 100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20kg	Trị tiêu chảy, rối loạn chức năng dạ dày - ruột, cải thiện hoạt động hệ tiêu hóa trên gia súc	KSC-2
2	Colistin 20	Colistin sulfate	Gói, bao	50, 100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20kg	Trị tiêu chảy trên heo con	KSC-3

SINGAPORE

1. Công ty Diashiam Resources

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Trimixin 480	Trimethoprim, Sulfamethoxazole	Gói	100g; 500g	Trị bệnh hô hấp mãn tính phức hợp, CRD, THT, E.coli trên gia súc, gia cầm	DSRS-7

2. Công ty Zagro Singapore

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1.	Zadoxyl	Doxycycline hyclate	Gói, bao, Thùng	50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Trị bệnh hô hấp phức hợp, Coryza, Tụ huyết trùng, E.coli trên gia cầm. Trị nhiễm trùng đường hô hấp, nhiễm khuẩn do Leptospira, E.coli, Pasteurella sp, Salmanella sp trên lợn	ZEL-25

THAILAND

1. Công ty Pharmtech

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Coliphar 10%	Colistin	Gói, hộp	100g; 500g; 1kg	Trị bệnh đường tiêu hóa trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gà	PHT-2
2	Pharmatil-20	Tilmicosin	Gói, hộp	100g; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn hô hấp trên lợn, gia cầm	PHT-3
3	Enfloxcin solution 10%	Enrofloxacine	Chai	100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	PHT-4
4	Enfloxcin solution 20%	Enrofloxacine	Chai	100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	PHT-5
5	DYNALIN-10	Tiamulin hydrogen fumarate	Gói, bao, Thùng	50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Trị ly, viêm phổi trên lợn; trị CRD trên gia cầm	PHT-6
6	NATICOLIN 40%	Colistin sulphate	Gói, bao, Thùng	50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa trên bê, dê, cừu, lợn, gia cầm	PHT-7
7	OXYLYNE 20	Oxytetracycline HCL	Gói, bao, Thùng	50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Trị viêm màng kết trên bê; viêm teo mũi và hội chứng	PHT-8

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
					MMA trên lợn; tụ huyết trùng và bệnh hô hấp trên gia cầm	
8	TILMIPHAR SOLUTION	Tilmicosin phosphate	Chai, bình, can	50; 100; 250; 500ml; 1; 5; 10; 25 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bê, nghé, lợn, dê, cừu, gia cầm	PHT-9
9	OZURIL-2.5	Toltrazuril	Chai, bình, can	50; 100; 250; 500ml; 1; 5; 10; 25 lít	Trị cầu trùng trên gia cầm	PHT-10
10	Neophar 500	Neomycin sulfate	Gói	100g; 2 kg	Trị nhiễm khuẩn đường dạ dày ruột trên lợn, gia cầm	PHT-11
11	Sulthophal	Sulfadiazine, Trimethoprim	Chai	100; 200; 400ml; 1l	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp trên gia súc, gia cầm	PHT-12
12	Enrophar powder 20%	Enrofloxacin	Túi	100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	PHT-13
13	Pharmadox-30	Doxycyclin hyclate	Túi	100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	PHT-14
14	Doxyguard -50	Doxycycline hyclate	Túi	100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	PHT-15

2. Công ty L.B.S. Laboratory

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Bezter Enro 50	Enrofloxacin	Chai	100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiết niệu, vết thương trên gia súc, gia cầm	LBS-4
2	Bezter Genta 100	Gentamicin sulfate	Chai	100 ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiết niệu, sinh dục, vết thương, máu, viêm khớp trên gia súc, gia cầm	LBS-5
3	Bezter Imectin	Ivermectin	Ống, Chai	1ml; 10ml, 50ml, 100 ml	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên gia súc, chó	LBS-6
4	Bezter Linco 300	Lincomycin HCl	Chai	100ml	Trị suyễn, lỵ, đóng dấu, viêm khớp trên heo; trị viêm đường hô hấp, nhiễm trùng vết thương, viêm da trên chó, mèo	LBS-7

KOREA

1. Công ty Samu Median

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Tolfen Inj	Tolfenamic acid	Chai	50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp và viêm vú cấp tính trên trâu bò và hội chứng MMA (Viêm tử cung, viêm vú, hội chứng cạn sữa) trên lợn	SAMU-14
2	Genta LA	Gentamycin sulfate	Chai, lọ	20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, viêm tử cung, viêm vú, viêm da, nhiễm khuẩn huyết, viêm teo mũi, colibacillosis trên trâu, bò, lợn, gia cầm	SAMU-15

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
3	Vitpro	Vitamin A, D, E, K_3, B_1, B_2, B_3, B_5, B_6, B_9, B_{12}, C, DL-Methionin	Gói, túi	1; 5kg	Trị bệnh thiếu hụt vitamin, stress, hỗ trợ trong việc phòng trị bệnh trên trâu, bò, lợn, gia cầm	SAMU-16
4	Bestril	Enrofloxacin	Chai, lọ	100ml; 1 lít	Trị Collibacillosis, Salmonellosis, Mycoplasmosis, sổ mũi truyền nhiễm trên gia cầm	SAMU-17
5	Megafen - F	Florfenicol	Bao, gói	1; 5kg	Trị bệnh đường hô hấp trên lợn	SAMU-18

2. Công ty Unibiotech

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Uni-Flor	Florfenicol	Gói, túi	1; 5kg	Trị bệnh viêm phổi do vi khuẩn actinobacillus pleuropneumonia gây ra ở lợn	UNI-3
2	Amoxincare - 200	Amoxicilline trihydrate	Gói, túi, bao	100; 500g; 1; 5; 10kg	Trị viêm phế quản phổi, viêm màng phổi, tụ huyết trùng, viêm phổi, sốt vận chuyển, viêm teo mũi (AR), Salmonellosis, Coliba-cillosis trên trâu, bò, lợn và gia cầm	UNI-4

3. Công ty Dong Bang

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Neocin soluble powder	Neomycin sulfate	Gói	100g; 500g; 1kg	Trị bệnh đường ruột trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu, gia cầm	DOB-10

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
2	Neocin-M soluble powder	Neomycin sulfate; Methscopolamine bromide	Gói	100g; 500g; 1kg.	Trị bệnh đường ruột, tiêu chảy trên trâu, bò, ngựa, heo, chó, mèo	DOB-11
3	Lincomycin-S-Premix	Lincomycin; Sulfamethazine	Bao, gói	1; 5; 10; 20kg	Trị viêm phổi, lỵ, viêm teo mũi trên heo	DOB-12
4	Linsmycin 100 sterile powder	Lincomycin HCl, Spectinomycin sulfate	Chai	10; 20g	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, heo, gà, chó	DOB-13
5	Neocin Premix	Neomycin	Bao, gói	1; 5; 10; 20kg	Trị bệnh đường ruột trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu, gia cầm	DOB-15

4. Công ty HANDONG

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Neocoxin suspension	Toltrazuril	Chai	100ml	Trị bệnh tiêu chảy do cầu trùng gây ra trên heo con	HDK-10

5. Công ty Green Cross Veterinary Products

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	G.C. Gentamicin inj	Gentamycin sulfate	Chai	100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, viêm vú, viêm bàng quang, viêm tử cung, nhiễm trùng vết thương, viêm da trên trâu, bò, heo, gà, chó, mèo	GGVK-7

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
2	PENIFL - 30 Inj	Florfenicol	Chai	100 ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, heo	GGVK-8
3	G.C Enrofl 100-Inj	Enrofloxacin	Chai	100 ml	Trị bệnh đường hô hấp, Colibacillosis, Salmonellosis trên trâu, bò, heo	GGVK-9
4	Greencox 5% suspension	Toltrazuril	Chai	100 ml	Trị cầu trùng trên bê, nghé, heo con	GGVK-10
5	Catoforce Inj	Butaphosphan, Vitamin B_{12}, Taurine, Nicotinamide DL-methionin	Chai	100 ml	Trị rối loạn chuyển hóa, tăng sức đề kháng trên gia súc, gia cầm, chó, mèo	GGVK-11
6	GREENTIX	Amitraz	Chai	100 ml	Trị ve, ghẻ, rận trên trâu, bò, cừu, heo	GGVK-12
7	COMBIMYCIN Inj	Procaine penicillin G Dihydrostreptomycin sulfate	Chai	10ml	Trị bệnh do vi khuẩn Gram âm nhạy cảm với Penicillin và Streptomycin gây ra trên trâu, bò, ngựa, heo, chó, mèo	GGVK-14
8	GREENCOX SOLUTION	Toltrazuril	Chai	1 lít	Trị cầu trùng trên gà	GGVK-15
9	AMOXYLPLUS WSP	Amoxycillin Trihydrate	Túi, gói	500g	Trị viêm phổi, tiêu chảy trên trâu, bò, heo, gà	GGVK-16
10	G.C ENROPOWER SOLUTION	Enrofloxacin	Chai	1 lít	Trị thương hàn, Colibacillosis, bệnh do Mycoplasma, Coryza trên gà	GGVK-17
11	G.C AMOXYL 150LA-Inj	Amoxicillin trihydrate	Chai	100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, dạ dày - ruột, tiết niệu, da và mô mềm trên trâu, bò, heo	GGVK-18

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
12	RHOLEXIN 10% SOLUTION	Flumequine	Chai	1 lít	Trị Colibacillosis trên heo, gà	GGVK-19
13	AMOXYLPHEN 200	Amoxycillin Trihydrate Acetaminophen DL-Methylephedrine HCl	Gói	1kg	Trị viêm phổi, tụ huyết trùng, thương hàn, Colibacillosis trên trâu, bò, heo	GGVK-20

MALAYSIA

1. Công ty Pahang Pharmacy SDN.BHD

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Trimeto-480	Sulphadiazine, Trimethoprim	Chai	1 lít	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp, viêm khớp, thối móng trên lợn, gia cầm	PPM-8

INDIA

1. Công ty P.V.S Laboratories

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Enroliq-20	Enrofloxacin	Lọ, can, bình	100; 250; 500 ml; 1; 5; 10 lít	Trị CRD, CCRD, Coryza, Colibacillosis, thương hàn, nhiễm trùng thứ phát trên gia cầm	PVS-7

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
2	Dox-20 WS	Doxycycline	Gói, bao, Hộp, xô	50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	PVS-8
3	Enroliq-B	Enrofloxacin, Bromhexine	Lọ, can, bình	100; 250; 500 ml; 1; 5; 10 lít	Trị CRD, CCRD, Coryza, Colibacillosis, thương hàn, nhiễm trùng thứ phát trên gia cầm	PVS-9
4	Pmox-20	Amoxycillin	Gói, bao, hộp, xô	50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị viêm phổi mãn tính, viêm ruột, tiêu chảy, tụ huyết trùng trên trâu, bò, heo, dê, cừu, lợn, gia cầm	PVS-10
5	Pmox-50	Amoxycillin	Gói, bao, hộp, xô	50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị viêm phổi mãn tính, viêm ruột, tiêu chảy, tụ huyết trùng trên trâu, bò, heo, dê, cừu, lợn, gia cầm	PVS-11
6	Cepine	Cephalexin	Gói, bao, hộp, xô	50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị E.coli, Salmonella, Coryza, viêm da trên gia cầm; trị sốt không rõ nguyên nhân, nhiễm trùng vết thương, mô mềm trên cừu	PVS-12
7	P-Dox	Doxycycline, Vitamin C	Gói, bao, hộp, xô	50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị E.coli, Salmonella, tụ huyết trùng, Cory, CRD trên gia cầm, gia súc	PVS-13

CHINA

1. Công ty Aether Centre (Beijing) Biology

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Centre-Dicox (Diclazuril 2.5% Oral Solution)	Diclazuril	Chai	100; 500ml; 1 lít	Trị cầu trùng trên gia cầm	ACB-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
2	Centre-Toltr (Toltrazuril 2.5% Oral Solution)	Toltrazuril	Chai	100; 500ml; 1 lít	Phòng và trị cầu trùng trên lợn con, gia cầm	ACB-2

2. Công ty Weifang Premier Animal Pharmaceutical Industries

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Amoxicillin 300	Amoxicilline; Bromhexin	Lon	1; 5kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin gây ra trên gia súc, gia cầm	WPA-1
2	Doxycycline 200	Doxycycline hydrochloride	Hộp	1; 5kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, gia cầm	WPA-2

II. DANH MỤC BỔ SUNG VẮC XIN, CHẾ PHẨM SINH HỌC, VI SINH VẬT, HÓA CHẤT DÙNG TRONG THÚ Y

A. DANH MỤC BỔ SUNG VẮC XIN, CHẾ PHẨM SINH HỌC, VI SINH VẬT, HÓA CHẤT DÙNG TRONG THÚ Y SẢN XUẤT TRONG NƯỚC

HÀ NỘI

1. Xí nghiệp thuốc thú y TW

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Kháng thể Gum	Kháng thể gum hiệu giá VN ≥ 1/640	Hộp, lọ	10; 20; 50; 100; 150; 200; 250; 500, 1.000 liều	Phòng và trị bệnh Gumboro trên gia cầm	TW-XI-103

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
2	Vacxin Tụ Dấu lợn	Vi khuẩn nhược độc Tụ huyết trùng lợn chủng AvPs3, đóng dấu lợn chủng VR2	Lọ	10; 20; 40; 50; 100 liều	Phòng bệnh Tụ huyết trùng và đóng dấu lợn	TW-XI-104

2. Công ty Cổ phần phát triển công nghệ Nông thôn (RTD)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	D.E.P	Diethylphtalate	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Sát khuẩn với tụ cầu trùng, liên cầu trùng Colibacteria, cầu ký trùng, trùng nguyên sinh	RTD-44
2	RTD - Iodine Plus	Iodine	Chai, can	100; 250; 500ml; 1; 2; 5; 10; 20; 25 lít	Thuốc sát trùng	RTD-207

TỈNH HƯNG YÊN

3. Công ty Cổ phần Dược và Vật tư thú y (HANVET)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Hanvet Tobacoli	Kháng nguyên E.coli	Chai	10; 20; 50; 100ml	Phòng bệnh tiêu chảy và sưng phù đầu do E.coli gây ra trên lợn con	TW-X2-193

TỈNH BẮC NINH

4. Công ty TNHH thương mại và sản xuất thuốc thú y Diễm Uyên - Huphavet

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Calci-Mg-glutamat	Ca, Mg, acid glutamic	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh do thiếu Ca, Mg	UHN-66
2	Calci-Mg-B_{12}	Ca, Mg, Vitamin B_{12}	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh do thiếu Ca, Mg	UHN-67

TỈNH KHÁNH HÒA

5. Phân Viện thú y miền Trung

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Vắc xin nhũ hóa THT trâu, bò chủng Iran	Kháng nguyên Pasteurella multocida. chủng Iran (vô hoạt)	Lọ	10; 20; 50; 100 liều	Phòng bệnh THT trên trâu, bò	TW IV-29

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

6. Công ty TNHH một thành viên thuốc thú y TW (NAVETCO)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Vắc xin vô hoạt Tụ huyết trùng dê	Pasteurella multocida serotype B: 2, A: 1 và Pasteurella haemolytica týp A	Chai	10; 25; 50 liều	Phòng bệnh tụ huyết trùng trên dê	TWII-138
2	Vắc xin nhị giá Tụ huyết trùng và E.coli vịt nhũ dầu	Pasteurella multocida serotype A: 1, Escherichia coli serotype O: 78	Chai	20ml (20 liều); 50 ml (50 liều); 100ml (100 liều)	Phòng bệnh tụ huyết trùng và E.coli trên vịt	TWII-139

7. Công ty liên doanh Bio-Pharmachemie

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Bio-Guard	Formaldehyde, Glutaraldehyde, Benzalkonium chloride	Chai, can	60; 100; 150; 250; 500ml; 1; 5; 10; 20 lít	Sát trùng chuồng trại chăn nuôi	LD-BP-480

8. Công ty TNHH Quốc Minh

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	GLUTACIDE	Glutaraldehyde, Alkylbenzyl dimethyl ammonium chloride	Chai, bình	100; 250; 500ml; 1; 2; 5; 10; 20; 25 lít	Sát trùng lò ấp, trại chăn nuôi, dụng cụ, thiết bị chăn nuôi	HCM-X20-188

9. Công ty TNHH Thương mại và sản xuất thuốc thú y NAPHA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Oxytocin	Oxytocin	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5l	Tăng co bóp tử cung, sót nhau, kích thích tiết sữa	HCM-X24-20
2	NP-Fe+B_{12}	Fe (Dextran), Vitamin B_{12}	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5l	Phòng và trị thiếu máu do thiếu sắt trên heo con, bê, nghé, dê non, cừu non	HCM-X24-35

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
3	NP-Calcium-Fort	Calcium gluconate	Lọ	10; 20; 50; 100; 500; 1000ml	Điều trị sốt sữa, bại liệt trước và sau khi đẻ, chứng co giật	HCM-X24-64
4	NP-FER 100 (Fe 10%)	Sắt (Fe)	Lọ	10; 20; 50; 100; 500; 1000ml	Phòng và trị thiếu sắt, thiếu máu	HCM-X24-63

TỈNH TÂY NINH

10. Công ty TNHH SX-TM M.E.B.I.P.H.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	MEBI - IODINE	Povidone iodine	Chai, can	50ml, 100ml, 250ml, 500ml, 1 lít, 5 lít	Sát trùng chuồng trại, vết thương	MBP-49

TỈNH ĐỒNG NAI

11. Công ty TNHH Y.S.P Việt Nam

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Pon Pon Soluble Powder	Biodiatase, Lactobacillus Powder, Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, B_6, B_{12}, C, Nicotinamide, Ca.Pantothenate, Folic Acid, Lysin HCl, Ca.Phosphate dibasic	Túi, bao	100g; 1 kg	Phòng và trị bệnh do thiếu Vitamin, stress do thay đổi môi trường, tiêm phòng, sử dụng thuốc trị bệnh, thiến, cắt mỏ	YSPV-37

B. DANH MỤC BỔ SUNG VẮC XIN, CHẾ PHẨM SINH HỌC, VI SINH VẬT, HÓA CHẤT DÙNG TRONG THÚ Y NHẬP KHẨU

GERMANY

1. Công ty Lohmann Animal Heath GmbH & Co.KG

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	AviPro IB H120	Virus viêm phế quản truyền nhiễm (IB) đông khô	Chai	1000; 2500; 5000 liều	Phòng bệnh viêm phế quản truyền nhiễm (IB) trên gà	VL-19
2	AviPro ND IB Lasota	Virus ND chủng Lasota, IB chủng Massachussets H120 đông khô	Chai	500; 1000; 2500 liều	Phòng bệnh Newcastle (ND), viêm phế quản truyền nhiễm (IB) trên gà	VL-20
3	AviPro ND Lasota	Virus ND chủng Lasota	Chai	500; 2500; 5000 liều	Phòng bệnh Newcastle (ND) trên gà	VL-21

ENGLAND

1. Công ty Arch UK Biocides

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Vantocil IB	Polyhexamethylenbiguanide hydrochloride	Bình	1; 2; 5; 10; 25 lít	Sát trùng chuồng trại, khu vực chăn nuôi, lò ấp, dụng cụ, phương tiện vận chuyển	AUK-1

HUNGARY

1. Công ty Ceva Phylaxia Veterinary Biologicals

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Hyogen	Mycoplasma hyopneumoniae vô hoạt nhũ dầu	Chai	50; 100; 250ml	Phòng bệnh viêm phổi địa phương (suyễn) do Mycoplasma hyopneumoniae trên lợn	SNF-94

BELGIUM

1. Công ty Cid Lines NV/SA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Virocid	Alkyldimethyl benzyl ammonium chloride, Didecyl-dimethyl ammonium chloride, Glutaraldehyde, Isopropanol, Pine oil	Can, thùng	5; 10; 25; 210; 1000l	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ phương tiện vận chuyển	CID-3

SPAIN

1. Công ty Laboratorios Lamons S.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	DESINPLUS LAMONS	Benzalkonium Chlorid; Formaldehyde	Chai	250; 500 ml; 1; 5 lít	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ, phương tiện vận chuyển	LLS-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
2	LAMIL 4 LAMONS	Povidone Iodine	Chai	250; 500 ml; 1; 5 lít	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, sát trùng vết thương, bầu vú, âm đạo	LLS-4

MEXICO

1. Công ty Boehringer Ingelheim Vetmedica S.A. de C.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Volvac AI KV	Virus cúm gia cầm H5N2 subtype, vô hoạt	Chai	500ml (1000 liều)	Phòng bệnh cúm gia cầm trên gà	BIV-6

BRAZIL

1. Công ty CNN - Laboratório Veterinário LTDA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Cevac®MG F	Mycoplasma Gallisepticum	Lọ	50; 100; 150; 200; 250; 500; 1.000 liều	Phòng bệnh hô hấp mãn tính (CRD) trên gà	CNN-1

NEWZEALAND

1. Công ty Bayer New Zealand

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Ovurelin	Gonadorelin (as acetate)	Chai	20; 100 ml	Gây lên giống đồng pha, điều trị không lên giống và u nang buồng trứng ở bò	BYA-29
2	Ovuprost	Cloprostenol sodium	Chai	20; 100 ml	Gây thoái hóa thể vàng trên ngựa, bò, heo	BYA-30

THAILAND

1. Công ty L.B.S. Laboratory

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Bezter Oxytocin 20	Oxytocin	Chai	100ml	Tăng cường co bóp tử cung, kích thích đẻ trên gia súc	LBS-8

KOREA

1. Công ty Dae Sung Microbiological Labs

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	PED PigVac	PED virus SM 98 (61P) strain culture fluid	Chai	5; 10; 20; 50ml	Phòng bệnh tiêu chảy truyền nhiễm trên heo	DAS-29

2. Công ty Samu Median

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Vibazone	Triple salt (Potassium peroxymonosulfate), Malic acid, Sodium chloride, Sulfamic acid, Sodium hexametaphosphate, Sodium dodecylbenzene sulfonate	Gói, bao	1 kg	Thuốc khử trùng chuồng trại, thiết bị, dụng cụ chăn nuôi	SAMU-19
2	Bio-berry Liquid	Citric acid, Lactic acid, Phosphoric acid, Betaine Hydrochloride, Yeast Extract, Propylene Glycol	Chai	500ml; 1 lít	Ngăn chặn sự phát triển của vi khuẩn có hại trong đường tiêu hóa và tăng khả năng hấp thụ thức ăn	SAMU-20

3. Công ty Dong Bang

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Aniguard	Sodium dichloroisocyanuraet	Bình	1kg	Sát trùng cơ thể động vật, dụng cụ chăn nuôi	DOB-14

4. Công ty Green Cross Veterinary Products

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Hi-cop	Triple salt, Malic acid, Citric acid, Sulphamic acid	Gói	1 kg	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi	GGVK-13

INDIA

1. Công ty Hester Biosciences Limited

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Gumboro I+	Infectious Bursal Disease virus, Intermediate Invasive strain ≥ 1 x $10^{3.5}$ EID_{50}	Ống	5ml, 10 ml	Phòng bệnh Gumboro trên gà	HBL-1
2	Live LAS	Newcastle Disease virus, Lasota strain ≥ 1 x 10^6 EID_{50}	Ống	2; 5; 15; 20 ml	Phòng bệnh Newcastle trên gà	HBL-2
3	Inactivated IBD, ND, IB, EDS	IBD type 1; ND Lasota strain; IB Mass strain; EDS AV-76 strain	Chai	500 ml	Phòng các bệnh Gumboro, Newcastle, viêm phế quản truyền nhiễm, hội chứng giảm đẻ trên gà	HBL-3
4	Live B1 - M48	Newcastle disease virus, B_1 strain; Avian Infectious Bronchitis virus, Type Mild Massachusetts	Ống	5; 15ml	phòng các bệnh Newcastle Disease, viêm phế quản truyền nhiễm (IB) trên gà	HBL-4

2. Công ty Polchem Hygiene Laboratories

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	V-OX	Potassium Monopersulphate Potassium Hydrogen Sulphate; Potassium Sulphate; Sodium Chloride	Chai	100g; 1kg	Thuốc sát trùng chuồng trại chăn nuôi	PHL-5

CHINA

1. Công ty Harbin Weike Biotechnology Development Company

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Porcine Circovirus type 2 vaccine, Inactivated (Strain LG)	Virus Porcine Circovirus type 2, vô hoạt	Chai	20; 40; 100; 250ml	Phòng bệnh còi cọc do PCV type 2 gây ra trên heo con	HBD-4

2. Công ty Nanjing Essence Fine Chemical

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	T-Rex®	Cyromazine	Bao, gói, thùng	20; 25; 100; 250g; 25; 30; 40; 50kg	Thuốc diệt ấu trùng ruồi	NEF-1

3. Công ty Zhaoqing Dahuanong Biology Medicine

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Reasortant Avian Influenza Virus Vaccine, Inactived (H5N1 subtype, Re-5 strain)	Virus cúm gia cầm H5N1, chủng Re-5	Lọ	100ml, 250ml	Phòng bệnh cúm gia cầm trên gà, vịt, ngan	ZDB-2

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Diệp Kỉnh Tần